

BÀI DỰ THI

“TÌM HIỂU HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”

HỌ VÀ TÊN : TRỊNH TÒN.
SINH NGÀY : 01 THÁNG 5 NĂM 1958.
GIỚI TÍNH : NAM.
DÂN TỘC : KINH.
ĐỊA CHỈ : TỔ DÂN PHỐ 1, PHƯỜNG TỨ HẠ
HƯƠNG TRÀ THỪA THIÊN - HUẾ

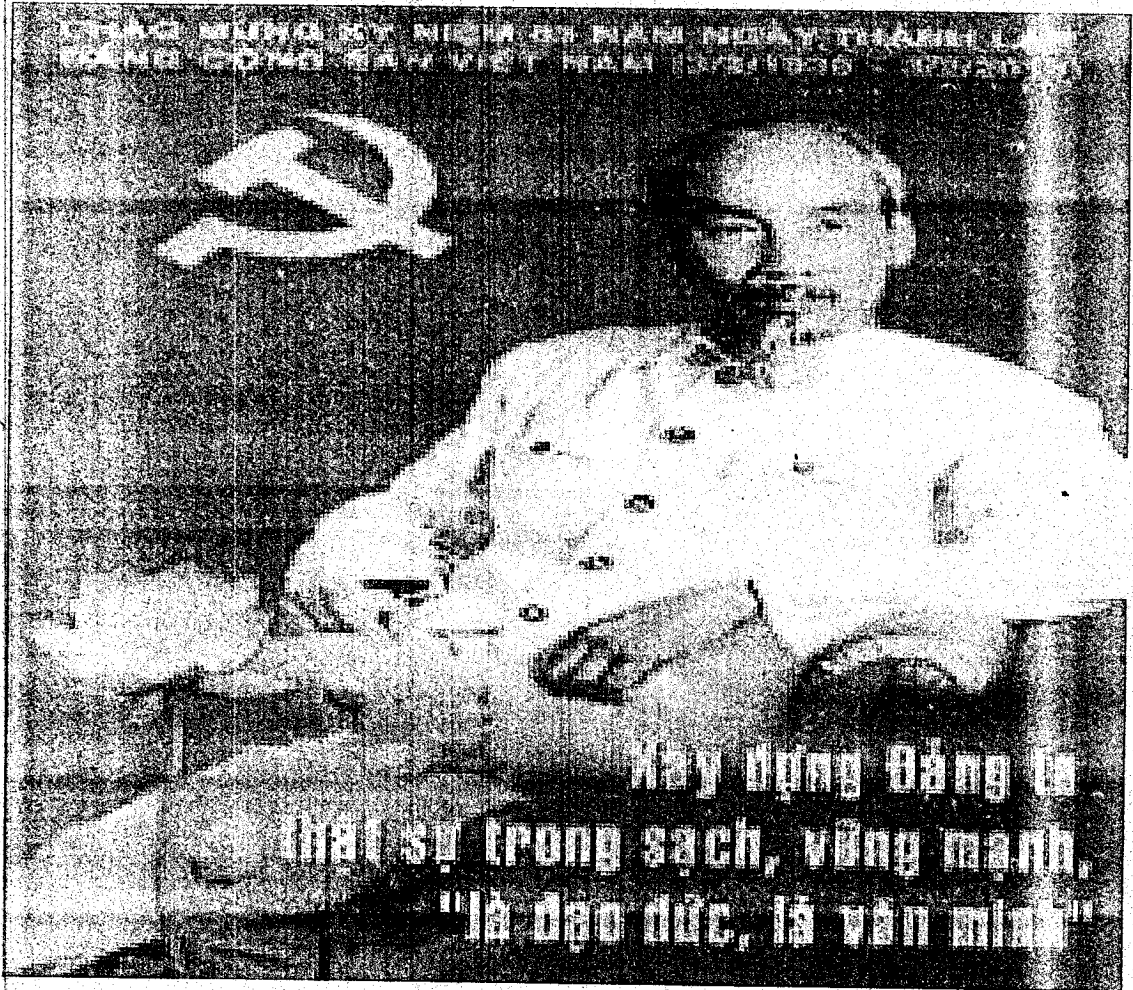


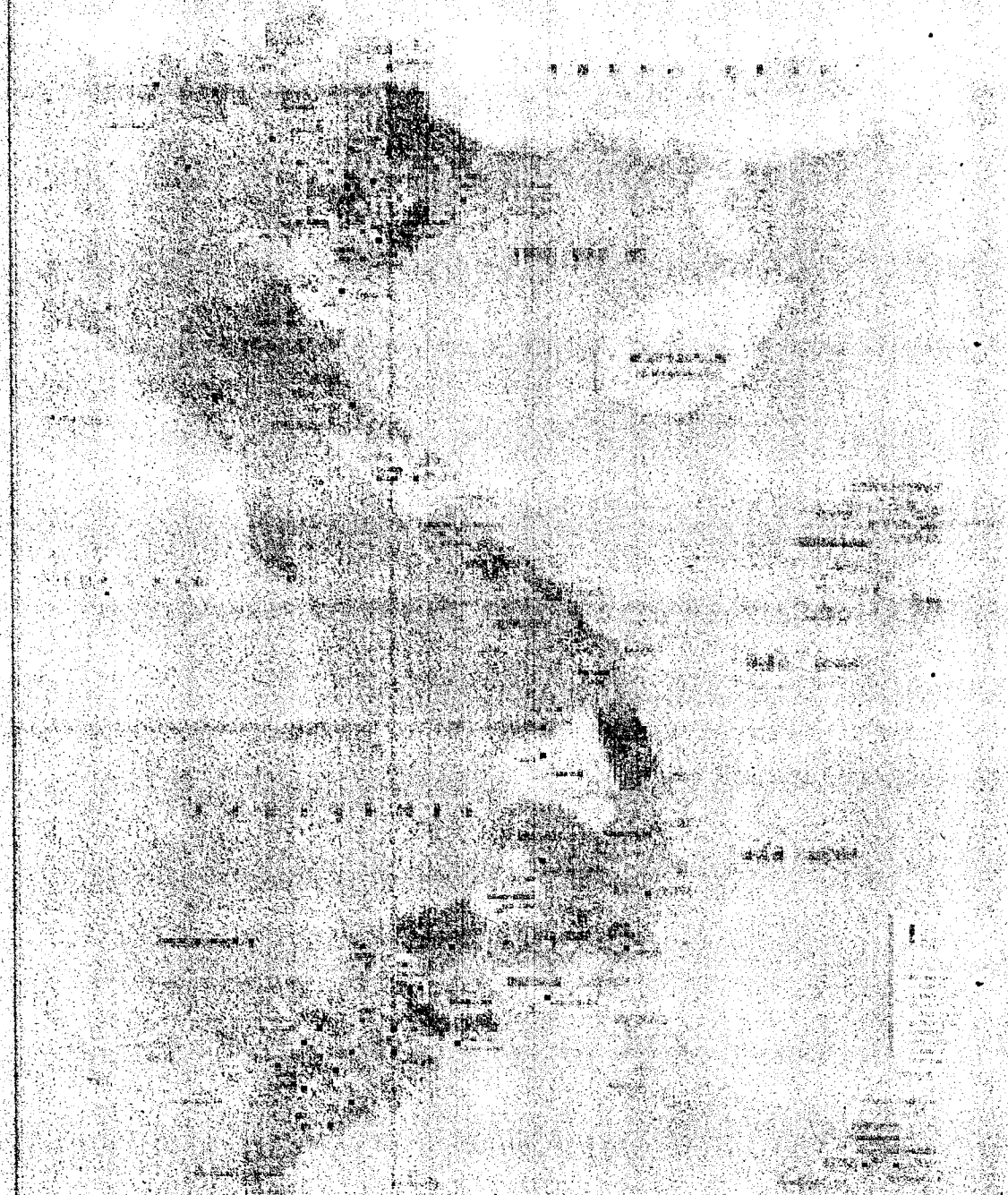
*Quyết định số 2157/QĐ-BTP ngày 22/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
về Ban hành Kế hoạch tổ chức cuộc thi viết
“Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*

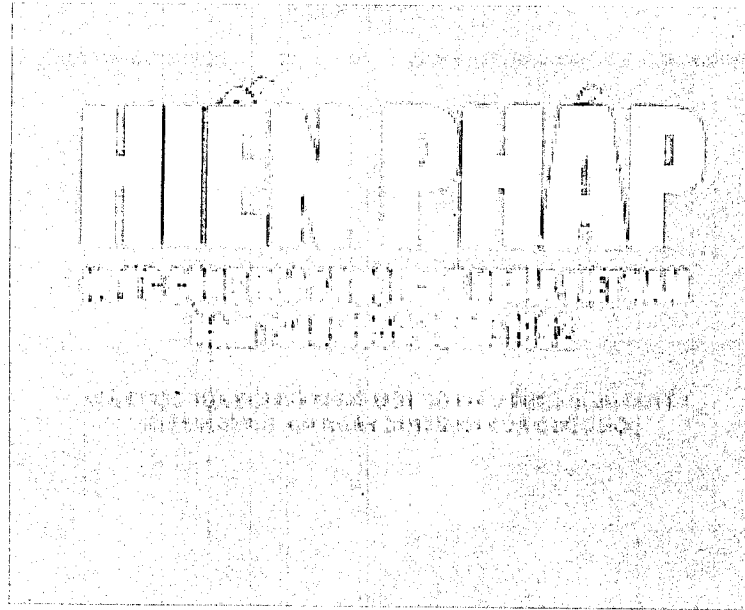
Tháng 3 năm 2015











Câu 1: Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có mấy bản Hiến pháp? Các bản Hiến pháp đó được Quốc hội thông qua vào ngày, tháng, năm nào?

Trả lời:

Trước năm 1945, Việt nam không có Hiến pháp. Từ năm 1945 khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) đến nay, nước ta có 05 bản Hiến pháp.

-Hiến pháp năm 1946.

-Hiến pháp năm 1959.

-Hiến pháp năm 1980.

-Hiến pháp năm 1992.(Được sửa đổi vào năm 2001).

-Hiến pháp năm 2013.(Được sửa đổi vào năm 2013).

Theo dòng lịch sử lập Hiến của Nước ta, cùng điểm lại hoàn cảnh ra đời của 5 bản hiến pháp;

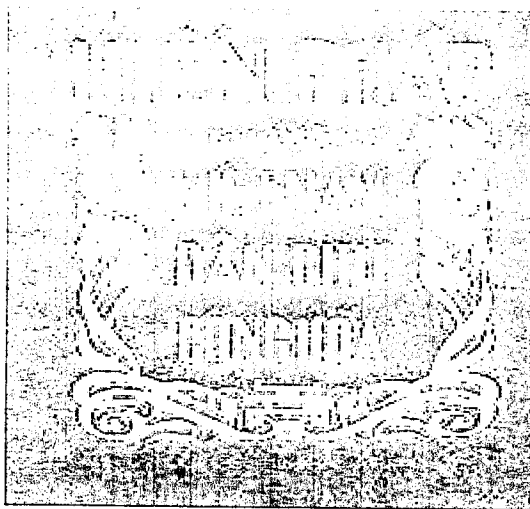
Hiến pháp là văn bản pháp luật có vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống pháp luật và đời sống chính trị của mỗi Quốc gia , đồng thời có thể coi là tuyên ngôn chính trị của mỗi chính thể Nhà Nước . Hiến pháp được gọi là đạo luật cơ bản, luật gốc của Nhà nước, các quy định của Hiến pháp là cơ sở pháp lý để xây

dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất; đồng thời là cơ sở cho việc tổ chức, hoạt động của bộ máy Nhà nước.

(Điều 146 Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là luật cơ bản của Nhà Nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất).

Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp.

HIẾN PHÁP NĂM 1946:

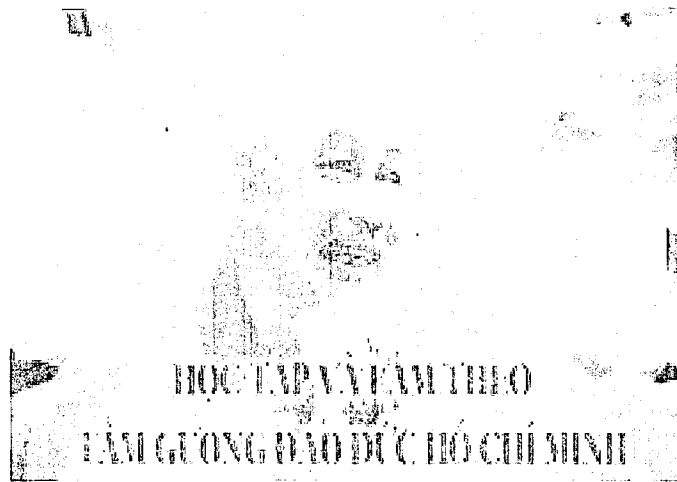


Sau khi Cách mạng tháng tám thành công, ngày 02 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra Nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 03 tháng 9 năm 1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Các mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề về sự cần thiết phải có một bản Hiến pháp dân chủ cho Nước Việt nam.



Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn độc lập

Chính phủ đã ra Sắc lệnh số 34-SL ngày 20 tháng 9 năm 1945 về việc thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm có 7 thành viên: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ông Vĩnh Thụy, Ông Đặng Thai Mai, Ông Vũ Trọng Khánh, Ông Lê Văn Hiến, Ông Nguyễn Lương Bằng, Ông Đặng Xuân Khu (Trường Chinh). Bản dự án Hiến pháp đã được soạn thảo và công bố vào tháng 11 năm 1945.



Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của những ngày đầu giành độc lập, Chính phủ lâm thời lúc đó vẫn tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa đầu tiên vào ngày 06 tháng 01 năm 1946.

Ban dự thảo Hiến pháp (Tiểu ban Hiến pháp) được Quốc hội bầu ra ngày 02 tháng 3 năm 1946 gồm có 11 thành viên: Ông Trần Duy Hưng, Ông Tôn Quang Phiệt, Ông Đỗ Đức Dục, Ông Cù Huy Cận, Ông Nguyễn Đình Thi, Ông Huỳnh Bá Nhung, Ông Trần Tấn Thọ, Ông Nguyễn Cao Hách, Ông Đào Hữu Dương, Ông Phạm Gia Đỗ, Bà Nguyễn Thị Thục Viên.



Bác sĩ Trần Duy Hưng

Ban này tiếp tục nghiên cứu và tiến hành dự thảo bản Hiến Pháp của Nước ta. Trong phiên họp ngày 29 tháng 10 năm 1946. Tiểu ban Hiến pháp được mở rộng thêm 10 Đại biểu đại diện cho các nhóm, các vùng và đồng bào thiểu số để tu chỉnh bản dự thảo hiến pháp và trình ra Quốc hội ngày 02 tháng 11 năm 1946 để Quốc hội thảo luận, sửa chữa và thông qua

Sau mười tháng chuẩn bị tích cực, dưới sự chỉ đạo sâu sát của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 1946, Quốc hội khóa 1 (Kỳ họp thứ 2) chính thức thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nước ta (Với 240/242 phiếu tán thành). Đó là Hiến pháp năm 1946, là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt nam dân chủ Cộng hòa được Quốc hội thông qua vào ngày 9 tháng 11 năm 1946.

Hiến pháp năm 1946 bao gồm lời nói đầu và có 7 chương và 70 điều.

Trong lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1946, đã xác định rõ ba nguyên tắc cơ bản:

-Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái , trai, giai cấp, tôn giáo.

-Đảm bảo các quyền tự do, dân chủ.

-Thực hiện Chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Chương I: Quy định hình thức chính thể của Nhà nước ta là Dân chủ Cộng hòa.

Chương II: Quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân.

Chương III: Quy định về cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất - Nghị viện nhân dân.

Chương IV: Quy định về Chính phủ - cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất.

Chương V: Quy định về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính - cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính Nhà nước, địa phương.

Chương VI: Quy định về cơ quan tư pháp - cơ quan xét xử của Nhà nước.

Chương VII: Quy định về vấn đề sửa đổi Hiến pháp.

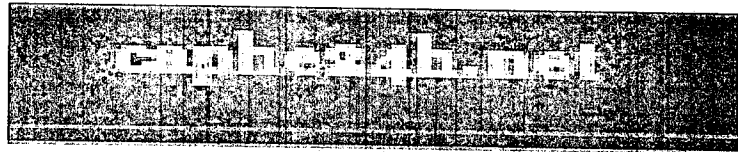
Toàn bộ 7 chương của Hiến pháp đều được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc cơ bản đã nói trên. Chính ba nguyên tắc này đã thể hiện ba đặc điểm cơ bản của Hiến pháp 1946.

Hiến pháp 1946 là một bản hiến văn hết sức ngắn gọn, súc tích. Toàn bộ bản hiến văn chỉ gồm 70 điều. Trong đó có những điều chỉ vẽ vện một dòng.

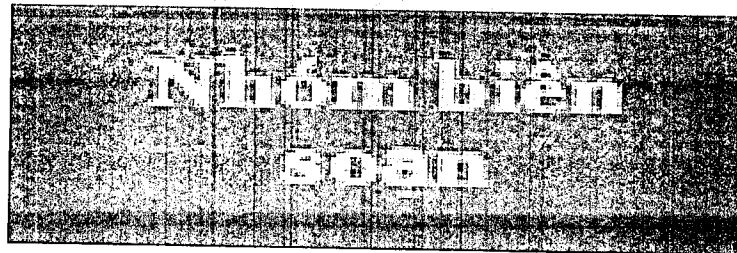
(Ví dụ Điều 12 được viết như sau: "Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm"). Một trong những lý do giải thích sự ngắn gọn này là: Hiến pháp 1946 đã được thiết kế theo tư tưởng pháp quyền". Hiến pháp 1946 vẫn còn nguyên giá trị, bởi mỗi câu chữ trong đó đều "vang vọng tiếng dân".

Đây là bản hiến pháp được soạn thảo theo tinh thần phân chia quyền lực (thường được biết đến với thuật ngữ "tam quyền phân lập"): lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ) và tư pháp (Tòa án). Điều 1 của Hiến pháp 1946 ghi rõ: "Nước Việt Nam là một nước Dân chủ Cộng hòa. Điểm đáng chú ý là Điều 10 bản Hiến pháp 1946 qui định rõ ràng các quyền tự do cá nhân: "Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, , tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài".

-Hiến pháp năm 1959:



Hiến pháp
VNDCCH
1959



Được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa thứ nhất kỳ họp thứ 11 thông qua vào lúc 15 giờ 50 ngày 31/12/1959.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, Quốc hội ta cần sửa đổi bản Hiến pháp năm 1946 cho thích hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Giai đoạn mới của

cách mạng được nhắc đến là giai đoạn kháng chiến chống Đế quốc Mỹ, miền Bắc xây dựng phục hồi kinh tế, miền Nam tiếp tục đấu tranh chống Đế quốc Mỹ và tay sai.

Bản Hiến pháp năm 1959 cũng đã khẳng định(Theo lời nói đầu): Nước Việt Nam là một nước thống nhất từ Lạng Sơn đến Cà Mau. Dân tộc Việt Nam trải qua mấy nghìn năm lịch sử là một dân tộc lao động cần cù luôn luôn anh dũng đấu tranh xây dựng đất nước và giữ gìn độc lập của Tổ quốc.

Trong hơn tám mươi năm nước ta bị thực dân Pháp đô hộ và năm năm bị phát xít Nhật chiếm đóng, nhân dân Việt Nam đã không ngừng đoàn kết đấu tranh chống ách thống trị của bọn xâm lược nước ngoài để giải phóng đất nước.

Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Đông Dương, ngày nay là Đảng lao động Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã tiến lên một giai đoạn mới. Cuộc đấu tranh bền bỉ đầy gian khổ và hy sinh dũng cảm của nhân dân ta chống ách thống trị của đế quốc và phong kiến đã giành được thắng lợi vĩ đại: Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt Nam độc lập trước quốc dân và toàn thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam đã xây dựng một nước Việt Nam độc lập và dân chủ.

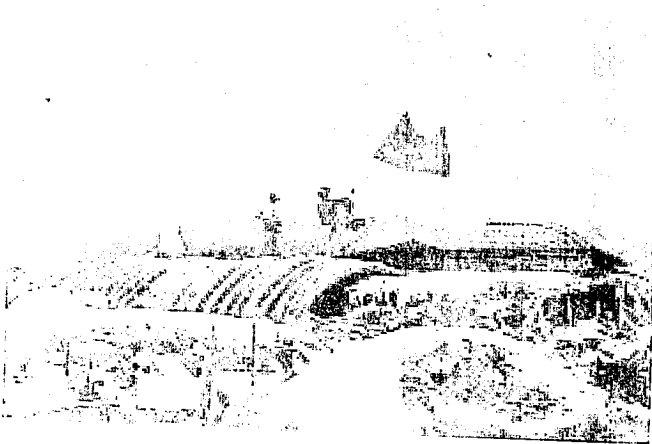


Ngày 6 tháng giêng năm 1946, toàn dân Việt Nam từ Bắc chí Nam đã nhiệt liệt tham gia cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội. Quốc hội đã thông

Ngày 6 tháng giêng năm 1946, toàn dân Việt Nam từ Bắc chí Nam đã nhiệt liệt tham gia cuộc tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội. Quốc hội đã thông

qua Hiến pháp đầu tiên ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta, nêu cao ý chí của toàn thể dân tộc kiên quyết giữ gìn độc lập và thống nhất của Tổ quốc, bảo vệ tự do và quyền lợi dân chủ của nhân dân.

Nhưng đế quốc Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức lại gây chiến tranh xâm lược hòng cướp nước ta và bắt nhân dân ta làm nô lệ một lần nữa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, toàn thể nhân dân ta đoàn kết một lòng đứng lên đánh giặc cứu nước. Đồng thời nhân dân ta đã tiến hành giảm tô và cải cách ruộng đất nhằm đánh đổ giai cấp địa chủ, đem lại ruộng đất cho dân cày. Cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và vô cùng anh dũng của nhân dân Việt Nam, được các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc bị áp bức và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới đồng tình và ủng hộ, đã thắng lợi vẻ vang. Với chiến thắng Điện Biên Phủ, nhân dân Việt Nam đã đánh bại đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, hoà bình được độc lập lại ở Đông Dương trên cơ sở công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của nước ta.



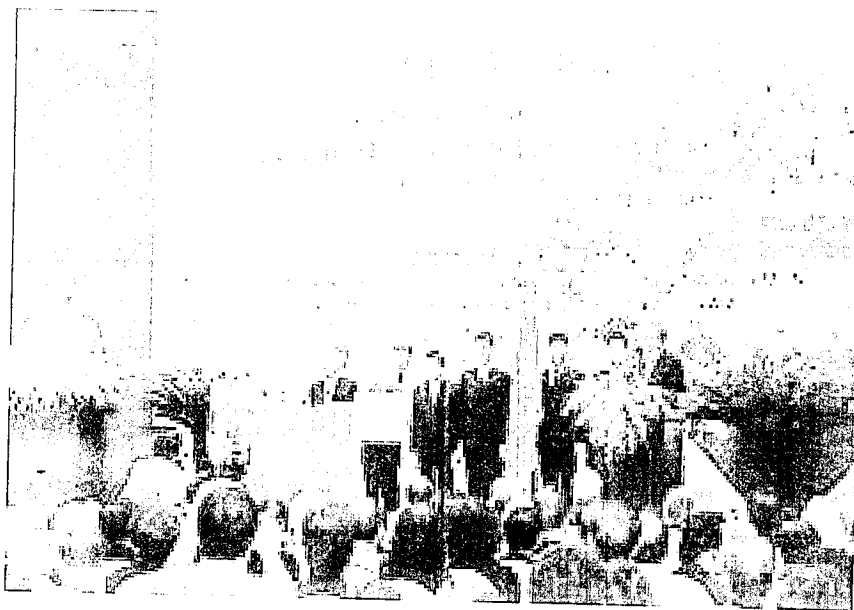
Thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam cũng là thắng lợi chung của phong trào giải phóng các dân tộc bị áp bức, của mặt trận hoà bình thế giới và của phe xã hội chủ nghĩa.

Từ khi hoà bình lập lại, ở miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân đã hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân. Nhưng miền Nam còn bị đế quốc và phong kiến thống trị, nước nhà tạm thời còn bị chia làm hai miền.

Cách mạng Việt Nam chuyển sang một hình thế mới. Nhân dân ta cần ra sức củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và tiếp tục đấu tranh để hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Mấy năm qua, nhân dân ta ở miền Bắc đã thu được nhiều thành tích to lớn trong việc khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá. Hiện nay, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đang tiến hành thắng lợi.

Trong khi ấy, ở miền Nam, đế quốc Mỹ và bọn tay sai đàn áp dã man phong trào yêu nước của nhân dân ta. Chúng tăng cường binh bị, thực hiện âm mưu biến miền Nam nước ta thành thuộc địa và căn cứ quân sự chuẩn bị chiến tranh của đế quốc Mỹ. Chúng ra sức phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, phá hoại hoà bình, phá hoại sự nghiệp thống nhất của nước Việt Nam. Nhưng đồng bào miền Nam luôn luôn anh dũng đấu tranh, không chịu khuất phục. Nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, dương cao ngọn cờ hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, kiên quyết tiến lên giành lấy thắng lợi cuối cùng. Sự nghiệp hoà bình, thống nhất Tổ quốc nhất định sẽ thành công.



Trong giai đoạn mới của cách mạng, Quốc hội ta cần sửa đổi bản Hiến pháp năm 1946 cho thích hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Hiến pháp mới ghi rõ những thắng lợi cách mạng to lớn đã giành được trong thời gian qua và nêu rõ mục tiêu phấn đấu của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Hiến pháp mới quy định chế độ chính trị, kinh tế và xã hội của nước ta, quan hệ bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc trong nước, bảo đảm đưa miền Bắc nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, xây dựng miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà.

Hiến pháp mới quy định trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, nhằm phát huy sức sáng tạo to lớn của nhân dân ta trong công cuộc xây dựng nước nhà, thống nhất và bảo vệ Tổ quốc.

Hiến pháp mới là một Hiến pháp thực sự dân chủ. Hiến pháp mới là sức mạnh động viên nhân dân cả nước ta phấn khởi tiến lên giành những thắng lợi mới. Nhân dân ta quyết phát huy hơn nữa tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, chí khí đấu tranh và nhiệt tình lao động. Nhân dân ta quyết tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí với các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô vĩ đại, tăng cường đoàn kết với nhân dân các nước Á - Phi và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng lao động Việt Nam,



Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, giành được những thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà. Nhân dân ta nhất định xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào công cuộc bảo vệ hoà bình ở Đông Nam châu á và thế giới.

-Bản Hiến pháp năm 1959 gồm có X chương và 112 điều.

Chương I: Quy định về Nước Việt nam dân chủ Cộng hòa.

Chương II: Quy định về chế độ kinh tế và xã hội

Chương III: Quy định về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Chương IV: Quy định về Quốc hội

Chương V: Quy định về Chủ tịch Nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa

Chương VI: Quy định về Hội đồng Chính phủ

Chương VII: Quy định về Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương các cấp.

Chương VIII: Quy định về Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân.

Chương IX: Quy định về Quốc kỳ – Quốc huy – Thủ đô .

Chương X: Quy định về sửa đổi Hiến pháp

Hiến pháp năm 1980:

Được Quốc hội khoá VI, tại kỳ họp thứ 7 ngày 18-12-1980, đã nhất trí thông qua Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980.

Hiến pháp năm 1980- khẳng định: Trải qua bốn nghìn năm lịch sử, nhân dân Việt Nam lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm để dựng nước và giữ nước. Cuộc đấu tranh lâu dài, bền bỉ vì độc lập, tự do đã hun đúc nên truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc ta.

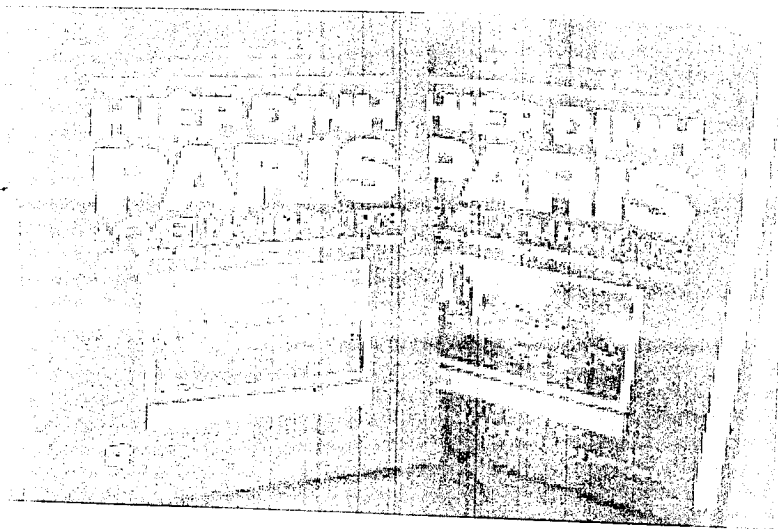
Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đi con đường của Cách mạng tháng Mười Nga, nhân dân ta đã lần lượt chiến thắng bọn đế quốc Nhật, Pháp, Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nước ta từ một nước thuộc địa và nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, một thành viên của Cộng đồng xã hội chủ nghĩa thế giới.

Năm 1945, sau khi quân đội Liên Xô đánh thắng chủ nghĩa phát xít, nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập. Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á, ra đời.

Nhưng thực dân Pháp, được đế quốc Mỹ giúp sức, đã xâm lược nước ta một lần nữa. "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ", nhân dân ta kháng chiến lâu dài chống quân xâm lược, thực hiện cải cách ruộng đất. Chiến thắng vĩ đại Điện Biên Phủ đã kết thúc và vang cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết trên cơ sở công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và của cuộc

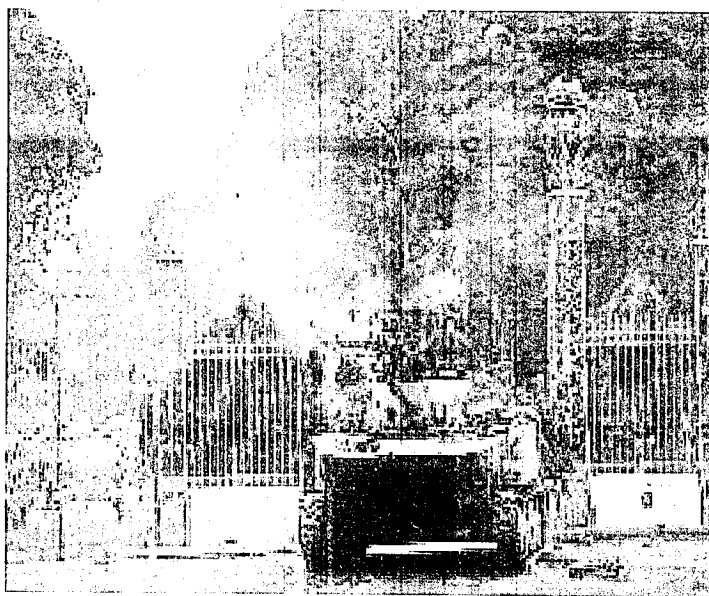
kháng chiến chống Pháp mở đầu thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

Thay chân thực dân Pháp, đế quốc Mỹ biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, đặt miền Nam Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia vào phòng tuyến phản cách mạng của Mỹ. Để thực hiện kế hoạch đó, đế quốc Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược cực kỳ man rợ đối với nước ta. Thảm nhून chân lý "không có gì quý hơn độc lập, tự do", nhân dân ta chiến đấu anh dũng, quyết giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước. Chiến thắng dồn dập của nhân dân Việt Nam, cùng với chiến thắng của nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam.





Mùa xuân năm 1975, nhân dân Việt Nam giành được thắng lợi trọn vẹn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Sau ba mươi năm chiến đấu gian khổ, miền Nam, thành đồng Tổ quốc, được hoàn toàn giải phóng.



Trong khi toàn dân ta kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã đạt được những thành tựu to lớn: thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hoá, vừa xây dựng vừa chiến đấu, làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ đối với miền Nam anh hùng.

Thắng lợi của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung và thắng lợi của nhân dân Việt Nam nói riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ báo hiệu sự phá

sản hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân mới, góp phần củng cố và mở rộng hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và dân chủ, đẩy mạnh thế tiến công của ba dòng thác cách mạng của thời đại.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta tiến hành tổng tuyển cử tự do trong cả nước, thực hiện thống nhất Tổ quốc. Tháng 7 năm 1976, nước ta lấy tên là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

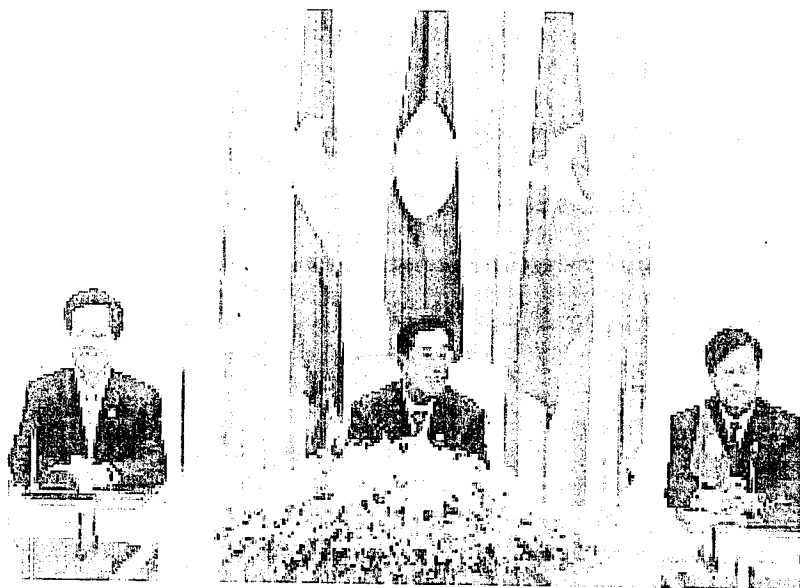
Vừa trải qua ba mươi năm chiến tranh giải phóng, đồng bào ta thiết tha mong muốn có hoà bình để xây dựng Tổ quốc, nhưng lại phải đương đầu với bọn bá quyền Trung Quốc xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng ở Cam-pu-chia. Phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, quân và dân ta đã giành được thắng lợi oanh liệt trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống bọn phản động Cam-pu-chia ở biên giới Tây Nam và chống bọn bá quyền Trung Quốc ở biên giới phía Bắc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình.

Cách mạng Việt Nam liên tiếp giành được thắng lợi to lớn là do Đảng cộng sản Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, vạch ra đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng nước ta; giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; củng cố liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo; đoàn kết chặt chẽ các tầng lớp nhân dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất; xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân; không ngừng củng cố chính quyền cách mạng; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, phối hợp sức mạnh của nhân dân ta với phong trào cách mạng của nhân dân thế giới; kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao.

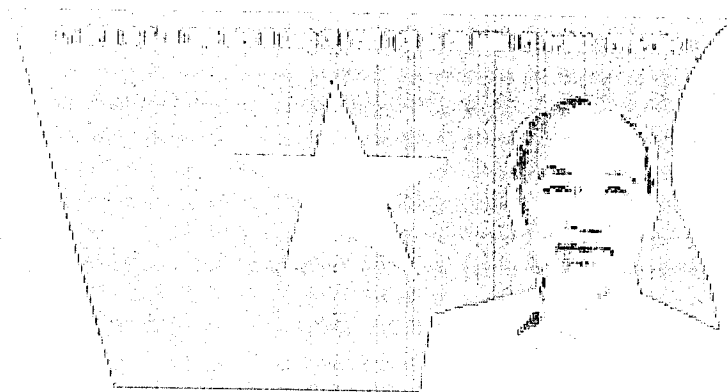
Đó là thắng lợi của lòng yêu nước nồng nàn, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần hy sinh không bờ bến của đồng bào và chiến sĩ cả nước một lòng một dạ vì sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đó là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giúp nhau giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia; thắng lợi của tình đoàn

kết chiến đấu, sự viện trợ to lớn và có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đối với cách mạng Việt Nam; thắng lợi của các lực lượng độc lập dân tộc, dân chủ và hoà bình trên thế giới đã tích cực ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.



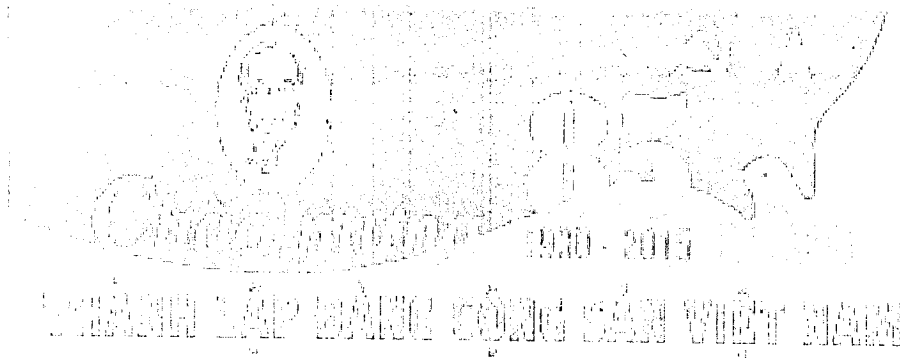
Đồng bào ta trải qua biết bao hy sinh, gian khổ mới có ngày nay! Tiền đồ hết sức vẻ vang, nhưng nhiệm vụ rất nặng nề. Toàn dân ta quyết tăng cường đoàn kết, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, hăng hái tiến lên theo đường lối mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt Nam đã đề ra:



ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH

"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội".

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần có một bản Hiến pháp thể chế hoá đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.



Kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp này tổng kết và xác định những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, bảo đảm bước phát triển rực rỡ của xã hội Việt Nam trong thời gian tới.

Là luật cơ bản của Nhà nước, Hiến pháp này quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu tổ chức và nguyên tắc hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Nó thể hiện mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ và Nhà nước quản lý trong xã hội Việt Nam.

Toàn thể nhân dân Việt Nam đoàn kết chặt chẽ dưới lá cờ bách chiến bách thắng của Đảng cộng sản Việt Nam, ra sức thi hành Hiến pháp, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hiến pháp 1980 quy định với cơ chế Quốc hội bầu ra Hội đồng Nhà nước với cơ quan này lãnh trách nhiệm hành chính làm ban thường vụ của Quốc hội. Hội đồng Nhà nước có chức năng vừa nắm quyền hành pháp lẫn lập pháp. Hội đồng này có bảy thành viên, đứng đầu là chủ tịch, có một số phó chủ tịch trợ giúp cùng với một tổng thư ký. Hội đồng Nhà nước có quyền tuyên chiến, ra lệnh tổng động viên, thông qua hiệp ước quốc ngoại và giám sát Hội đồng Bộ trưởng.^[2]

Nguyên nhân sửa đổi bản Hiến pháp: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần có một bản Hiến pháp để thể chế hóa đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là Hiến pháp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước.

Lời nói đầu của bản Hiến pháp khẳng định: “Kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp này tổng kết và xác định những thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trong nửa thế kỷ qua, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, bảo đảm bước phát triển rực rỡ của xã hội Việt Nam trong thời gian tới”.

Bản Hiến pháp năm 1980 có XII và 147 điều; Gồm có:

Chương I: Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam - Chế Độ Chính Trị

Chương II: Chế Độ Kinh Tế

Chương III: Văn Hóa, Giáo Dục, Khoa Học, Kỹ Thuật

Chương IV: Bảo Vệ Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa

Chương V: Quyền Và Nghĩa Vụ Cơ Bản Của Công Dân

Chương VI: Quốc Hội

Chương VII: Hội Đồng Nhà Nước

Chương VIII: Hội Đồng Bộ Trưởng

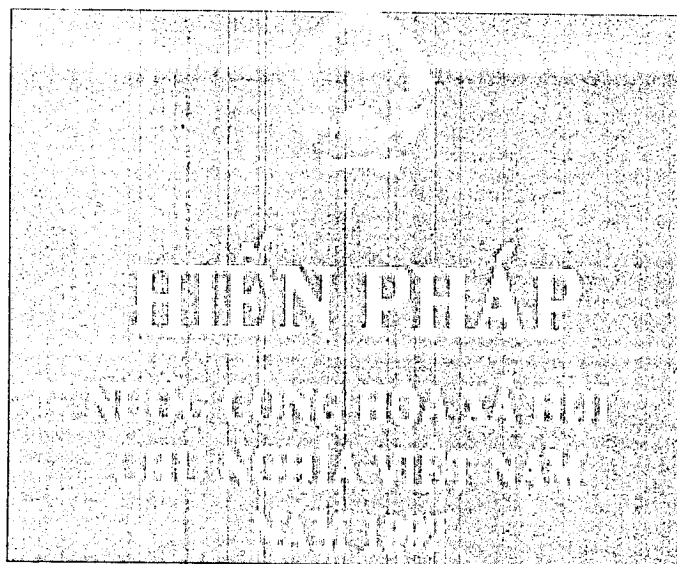
Chương IX: Hội Đồng Nhân Dân Và Ủy Ban Nhân Dân

Chương X: Tòa Án Nhân Dân Và Viện Kiểm Sát Nhân Dân

Chương XI: Quốc Kỳ, Quốc Huy, Quốc Ca, Thủ Đô

Chương XII: Hiệu Lực Của Hiến Pháp Và Sửa Đổi Hiến Pháp

Hiến pháp năm 1992:



Được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 15/4/1992.

Hiến pháp năm 1992 khẳng định: Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, nhân dân Việt Nam lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu anh dũng để dựng nước và giữ nước, đã hun đúc nên truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa, kiên cường bất khuất của dân tộc và xây dựng nên nền văn hiến Việt Nam.

Từ năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, đầy gian khổ hy sinh, làm Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, nước

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Tiếp đó, suốt mấy chục năm, nhân dân các dân tộc nước ta đã liên tục chiến đấu, với sự giúp đỡ quý báu của bè bạn trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng, lập nên những chiến công oanh liệt, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân và đế quốc, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Ngày 2 tháng 7 năm 1976 Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã quyết định đổi tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, ra sức xây dựng đất nước, kiên cường bảo vệ Tổ quốc đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế.

Qua các thời kỳ kháng chiến kiến quốc, nước ta đã có Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980.

Từ năm 1986 đến nay, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Quốc hội quyết định sửa đổi Hiến pháp năm 1980 để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Hiến pháp này quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước, thể chế hoá mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt Nam nguyện đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp, giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương I: Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam - chế độ chính trị

Chương II: Chế độ kinh tế

Chương III: Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ

Chương IV: Bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Chương V: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Chương VI: Quốc hội

Chương VII: Chủ tịch nước

Chương VIII: Chính phủ

Chương IX: Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân

Chương X: Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

Chương XI: Quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, thủ đô, ngày quốc khánh

Chương XII: Hiệu lực của hiến pháp và việc sửa đổi hiến pháp

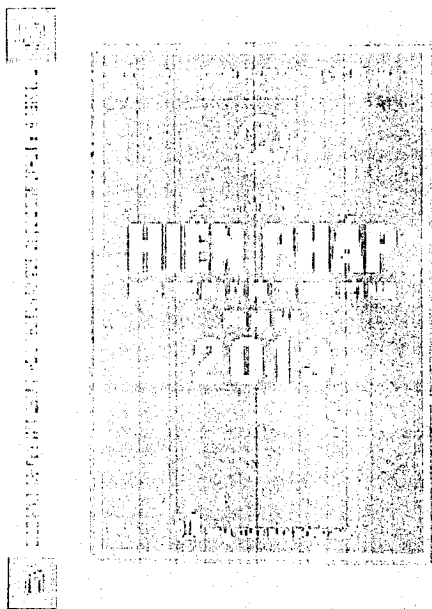
Hiến pháp năm 1992 có 12 chương và 147 điều.

Hiến pháp 1992 tiếp tục khẳng định "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức" (điều 2). Trong chương V, các quyền cơ bản của công dân được quy định, trong đó bao gồm quyền tự do ngôn luận (điều 69), quyền tự do tôn giáo (điều 79), quyền bất khả xâm phạm về thân thể (điều 71), quyền tự do đi lại và cư trú (điều 68), quyền tự do kinh doanh (điều 57), quyền tác giả (điều 60), và các quyền khác. Trong chương V cũng ghi rõ rằng "Công dân phải trung thành với Tổ quốc. Phán bội Tổ quốc là tội nặng nhất" (điều 76).

Hiến pháp 1992 được bổ sung vào ngày 25 tháng 12 năm 2001.

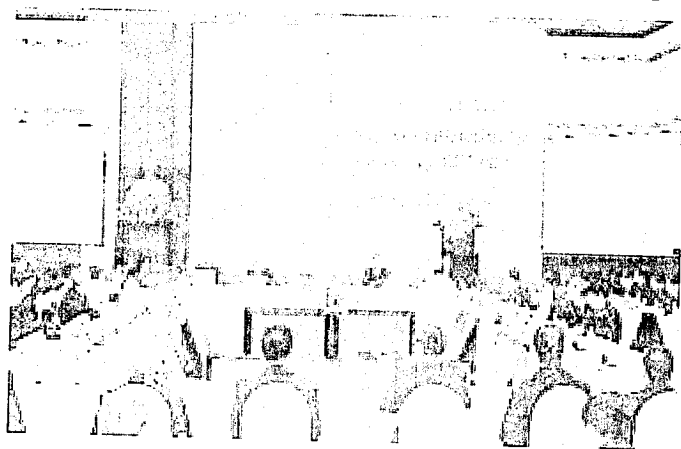
Về mặt cơ cấu, Hiến pháp 1992 xóa bỏ Hội đồng Nhà nước, quy chức vị vào một cá nhân là Chủ tịch nước. Ngoài ra Hiến pháp 1992 giảm số đại biểu Quốc hội từ khoảng 500 xuống còn 400.

Hiến pháp năm 2013:

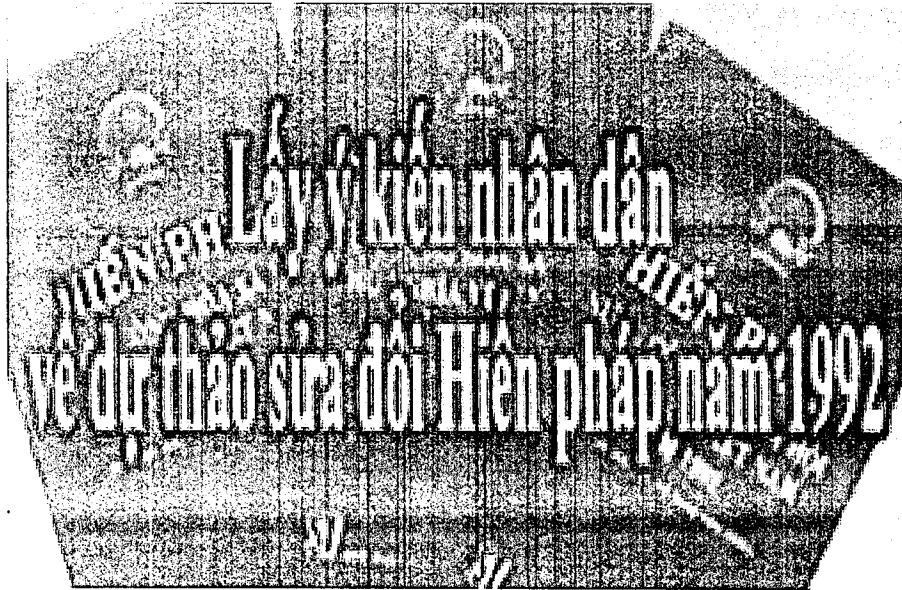


- Hiến pháp pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 là bản Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua vào ngày vào sáng ngày 28 tháng 11 năm 2013.

Ngày 2/1/2013, Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 chính thức công bố Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Thời gian lấy ý kiến từ ngày công bố đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2013. Trong lần sửa Hiến pháp này, rất nhiều vấn đề hệ trọng của đất nước đã được nhân dân tham gia ý kiến, phản ánh qua các phương án khác nhau cho từng điều khoản Hiến pháp



Lần đầu tiên trong lịch sử, việc góp ý sửa đổi hiến pháp 1992 được chính quyền Việt Nam đưa đến từng hộ gia đình; Trong đó theo báo cáo của UBND Phường Tứ Hạ thì có gần 100% số hộ trong Phường Tứ Hạ có tham gia ý kiến vào bản Hiến pháp năm 2013. Theo báo cáo của các cơ quan, tổ chức hữu quan, trong 5 tháng tính tới tháng 5/2013, đã có hơn 26 triệu lượt ý kiến góp ý của nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp, với hơn 28.000 hội nghị, hội thảo, tọa đàm được tổ chức.



Ngày 28-11-2013, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 6 đã thông qua Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (sửa đổi).



Các Đại biểu Quốc Hội bấm nút thông qua Hiến pháp

KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT		
THỜI GIỚI	00:00	
THAM GIA	488	87.89%
TÂN THÀNH	488	87.89%
KHÔNG TÂN THÀNH	0	0.00%
KHÔNG BIỂU QUYẾT	2	0.40%



Các Đại biểu Quốc Hội vui mừng khi thông qua Hiến pháp

đền. Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bằng ý chí và sức mạnh của toàn dân tộc, được sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới, Nhân dân ta đã giành chiến thắng vĩ đại trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kế thừa Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

ngĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày, tháng, năm nào? So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có bao nhiêu điều được giữ nguyên? Có bao nhiêu điều được sửa đổi, bổ sung? Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?



Trả lời:

- Bản Hiến pháp mới được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 (Hiến pháp năm 2013) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

- So với Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) có 02 điều được giữ nguyên (điều 86 và điều 91)

- Sửa đổi 106 điều Gồm các điều:

Từ điều 1 đến điều 18.

Từ điều 20 đến điều 33.

Từ điều 35 đến điều 40

Từ điều 44 đến điều 54

Từ điều 56 đến điều 62

Từ điều 64 đến điều 77

Từ điều 79 đến điều 85

Từ điều 92 đến điều 110

Từ điều 113 đến điều 116 và điều 110, 120.

-Bổ sung 12 điều: Gồm có điều 19, 34, 41, 42, 43, 55, 63, 78, 111, 112,117, 118.

- Điều sửa đổi, bổ sung nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

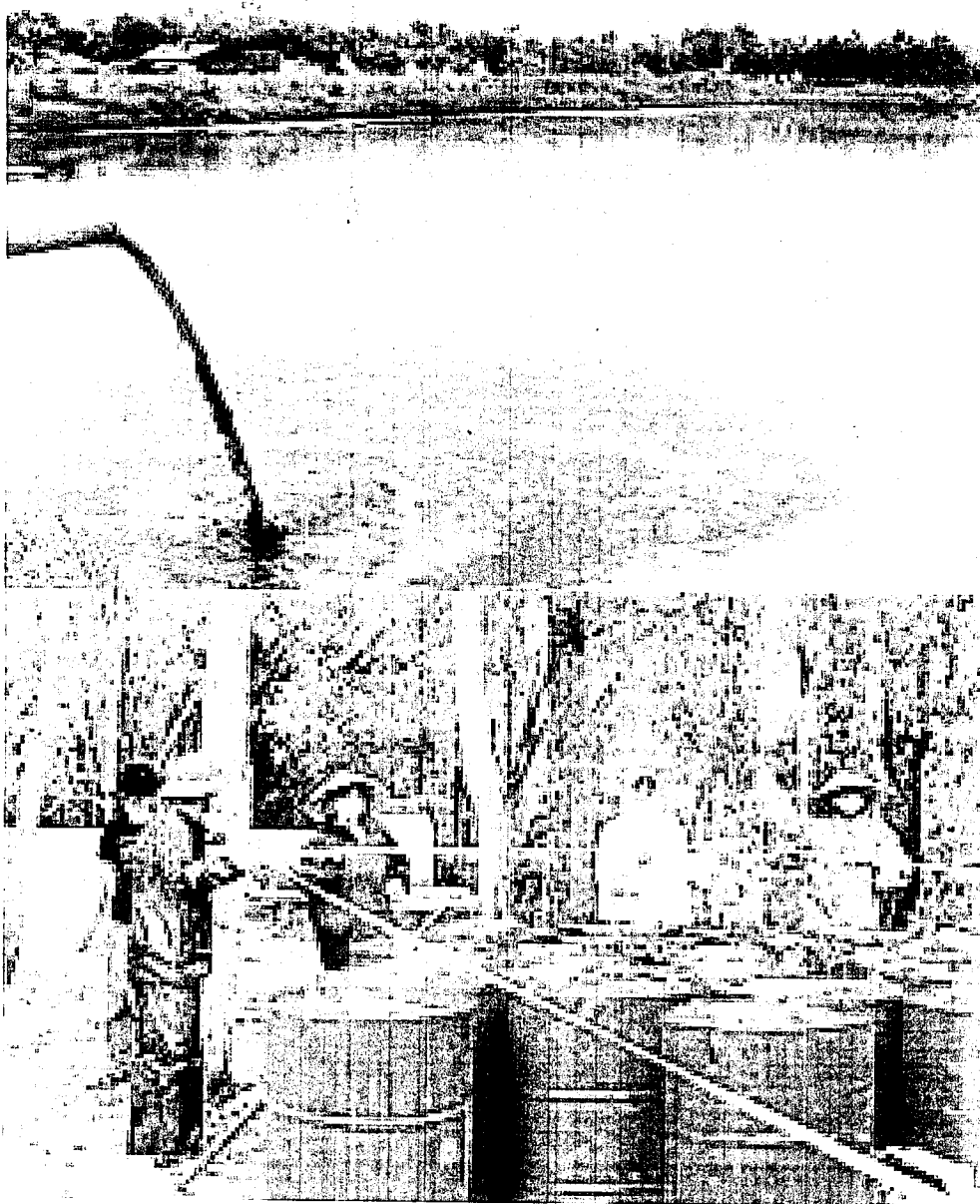
Hiến pháp năm 2013, được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28/11/2013, tại kỳ họp thứ 6, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014. Nếu có ai đó hỏi, trong số những điều mới lần đầu tiên được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, điều nào bạn tâm đắc nhất? Tôi nghĩ rằng câu trả lời sẽ tùy thuộc vào cách tiếp cận cũng như nhận thức riêng của mỗi người đối với từng nội dung, từng điều cụ thể của Hiến pháp. Không ai giống ai. Riêng tôi, điều tâm đắc nhất là “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường” (Điều 43).

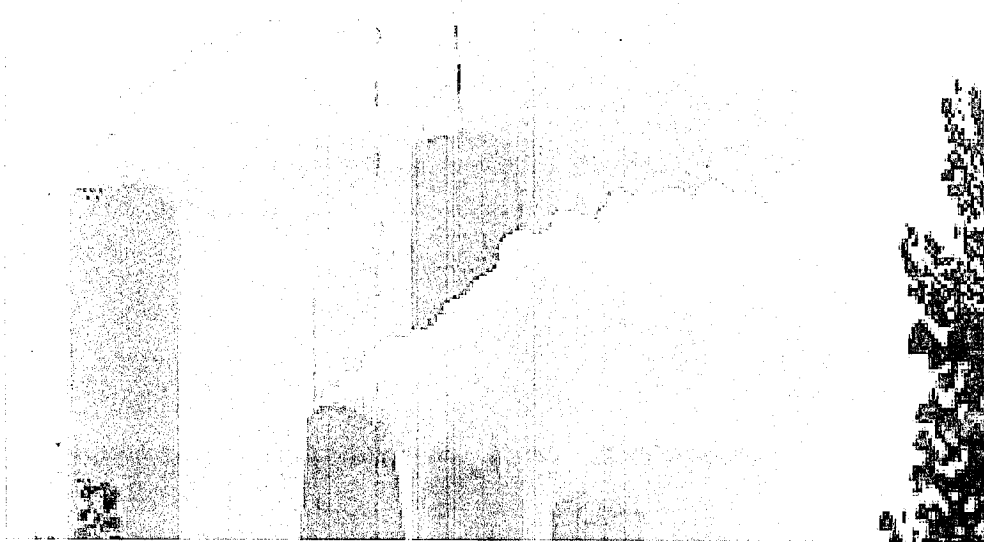
Theo cách hiểu của tôi, khái niệm “môi trường” được quy định tại Điều 43 của Hiến pháp chính môi trường sống của con người, được định nghĩa bởi Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: “Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. (Khoản 1, Điều 3).

Trong những năm qua cùng với quá trình phát triển kinh tế của đất nước, đã nảy sinh hàng loạt những hệ lụy khác nhau ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên, như ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước... Các nguồn ô nhiễm này chủ yếu có nguồn gốc từ các cơ sở chế biến, gia công, sản xuất công nghiệp, nhưng không thực hiện đúng quy định về xử lý chất thải, đang từng ngày, từng giờ góp phần hủy hoại môi trường sống của chúng ta. Điều đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền được hưởng thụ môi trường sống trong lành của mọi người.

Chắc hẳn trong chúng ta không ai không biết đến vụ công ty VEDAN Việt Nam xả nước thải chưa qua xử lý xuống dòng sông Thị Vải bị phát hiện năm 2008 gây thiệt hại và tác hại đến sức khỏe và tài sản của người dân địa phương khó có thể đánh giá hết được; hay vụ Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái chôn lấp thuốc trừ sâu độc hại xuống lòng đất bị phát hiện tháng 8/2013 làm ô

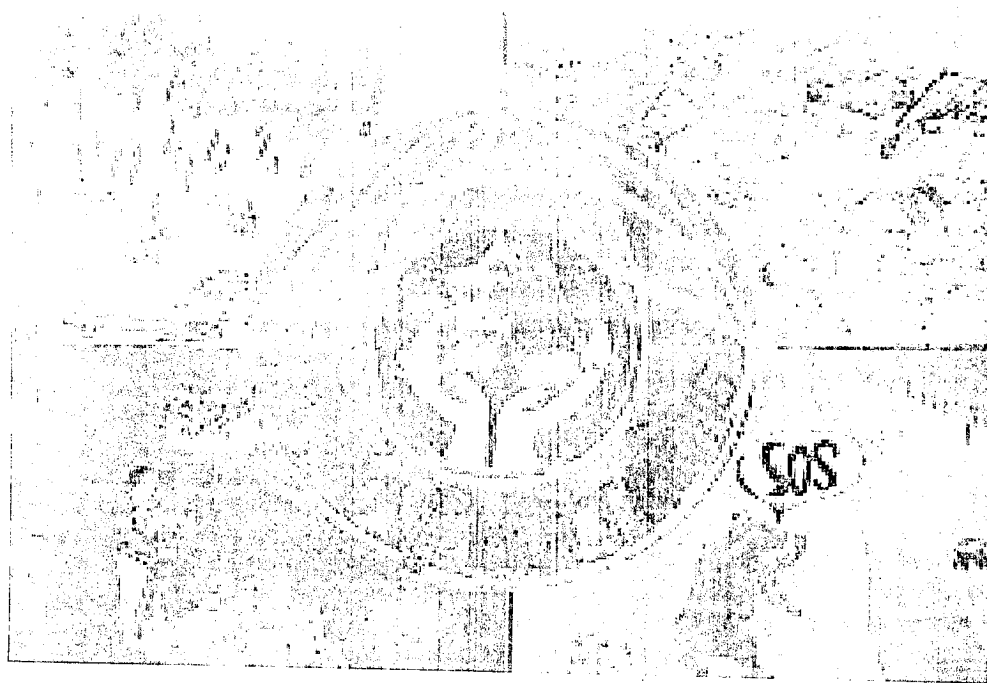
nhiễm đất, nguồn nước; hay vụ Công ty LUKS Việt Nam gây ô nhiễm môi trường cho các hộ gia đình ở xung quanh nhà máy... là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nhiều người dân xung quanh mắc các bệnh ung thư, thần kinh, sinh con bị dị dạng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân... gây bức xúc trong nhân dân. Đó chỉ là ba trong số hàng trăm vụ gây ô nhiễm môi trường bị phát hiện trên phạm vi cả nước trong thời gian qua. Vì vậy, vấn đề cấp bách đặt ra là chúng ta phải nhận thức đầy đủ, có biện pháp kịp thời và hành động không chậm trễ để bảo vệ môi trường sống trong giai đoạn hiện nay và cho cả mai sau con cháu chúng ta. Đây quả là một bài toán khó đòi hỏi sự chung tay giải quyết của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và của mọi công dân.





Là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đã sớm nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ môi trường và đã gia nhập nhiều Công ước Quốc tế về bảo vệ môi trường như: Công ước Viên về bảo vệ tầng ô-zôn 1985 (gia nhập ngày 26/4/1994); Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu 1992 (gia nhập ngày 16/11/1994); Công ước về đa dạng sinh học 1992 (gia nhập ngày 16/11/1994) ... Đây là những minh chứng thể hiện rõ nhất cam kết và hành động mạnh mẽ của Việt Nam cùng với các nước trên thế giới chung tay trong cuộc chiến bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, vấn đề bảo vệ môi trường cũng đã được ghi nhận trong các bản Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Cụ thể như, Điều 36 Hiến pháp năm 1980, quy định: “Các cơ quan nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân đều có nghĩa vụ thực hiện chính sách bảo vệ, cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường sống”. Và Điều 29 Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) cũng đã tiếp tục quy định về bảo vệ môi trường: “Cơ quan Nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi cá nhân phải thực hiện các quy định của Nhà nước về sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Nghiêm cấm mọi hành động làm suy kiệt tài nguyên và hủy hoại môi trường”.

Thế chế hóa các quy định của Hiến pháp, trong những năm qua Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực môi trường, mà trước hết phải kể đến Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 (sửa đổi bổ sung năm 2005), Luật bảo vệ môi trường năm 2014. Bên cạnh các văn bản pháp luật của Nhà nước, Bộ Chính trị cũng đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Gần đây nhất là Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2014 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những văn bản này thể hiện rõ quan điểm, đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước phù hợp với ý nguyện của nhân dân về đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững, trong đó xem môi trường là một trong 3 trụ cột chính (kinh tế - xã hội - môi trường) để phát triển đất nước và bảo vệ quyền con người.



Như vậy, có thể nói trước Hiến pháp năm 2013, vấn đề bảo vệ môi trường đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Tuy nhiên, việc ghi nhận này còn ở dạng nguyên tắc chung về trách nhiệm từ phía các cơ quan, tổ chức của Nhà nước mà chưa đề ra vấn đề quy định quyền được

sống trong môi trường trong lành là một quyền cơ bản của công dân như trong Hiến pháp năm 2013. Phải chăng quyền được sống trong môi trường trong lành chưa được hiến định cụ thể mà trong thời gian qua nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn? Môi trường sống vẫn bị ô nhiễm, hủy hoại từng ngày đã tác động không nhỏ đến đời sống của người dân ở nhiều nơi, đồng thời ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế xã hội lâu dài của đất nước.

Nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế nêu trên, Hiến pháp năm 2013 ra đời đã có sự tiếp thu, chọn lọc những quy định phù hợp của pháp luật quốc tế, đồng thời thể chế hóa quan điểm của Đảng về quyền con người, coi con người là chủ thể, là động lực quan trọng của sự phát triển đất nước. Với quy định: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường” là một bước tiến lớn thể hiện việc mở rộng và phát triển quyền con người, phản ánh kết quả của quá trình đổi mới gần 30 năm qua ở nước ta đồng thời thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, thừa nhận vấn đề bảo vệ môi trường chính là bảo vệ quyền con người, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Để mọi người thực hiện quyền của mình, Hiến pháp năm 2013 cũng quy định trách nhiệm của Nhà nước là phải ban hành văn bản pháp luật để có cơ sở pháp lý cho mọi người và công dân thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

Thể chế hóa quy định của Hiến pháp, để quyền được sống trong môi trường trong lành được phát huy trong thực tế, tại Kỳ họp thứ VII Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường 2014 với rất nhiều những quy định mới nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, đảm bảo mọi người dân được sống trong môi trường trong lành là một sự khẳng định rõ nhất của nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người.

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



123

Để kết thúc bài viết, tôi xin trích dẫn lời bài hát: “ Không Gian xanh” Một trong những ca khúc đạt giải trong cuộc vận động sáng tác bảo vệ môi trường.

Đi dọc tầng đi giữa phố mới, bước trên con đường màu xanh
Cánh bao lá xanh ngát khắp chốn nắng xanh trên cao chào đón
Cây vươn nhanh, xanh thắm bóng lá, gió reo vi vu hòa theo
Thy - xâu xao, xanh những khúc hát, xanh nhịp sống bao sớm chiều
Xanh thêm xanh thành phố tươi xinh tươi rạng rỡ
Hãy ng tay ta gìn giữ phố phường mãi sạch và xanh
Xanh quê hương ngày mới xanh thênh thang ngàn lối
Mười phương chung nhịp với ước mơ xanh trái đất này

Tổ quốc Việt Nam xanh ngát, có sạch đẹp mãi được không? Điều đó tùy thuộc vào hành động của bạn, của tôi và của tất cả chúng ta và điều cốt lõi là chỉ thuộc bạn mà thôi.

Xin mọi người hãy cùng nhau chung tay bảo vệ môi trường! Vì bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống trong môi trường trong lành của chúng ta!

Bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp là vấn đề đang được cả thế giới quan tâm. Có rất nhiều hội nghị tầm cỡ toàn cầu hoặc khu vực đã được tổ chức để bàn bạc và tìm ra hướng giải quyết nạn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hiện nay. Trong mấy năm gần đây, những thiên tai ghê gớm, khủng khiếp như động đất, sóng thần, cháy rừng, lũ lụt... xảy ra liên miên, chứng tỏ thiên nhiên đang nổi giận và trừng phạt loài người vì những hành vi cố tình xâm phạm và phá vỡ quy luật cân bằng sinh thái.

Ở Việt Nam, ô nhiễm môi trường sống cũng là một vấn đề nan giải vì nó gây ra hàng loạt hậu quả nghiêm trọng. Hàng ngày nhan nhản trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta đều thấy hiện tượng vứt rác, xả rác ra đường, ra những nơi công cộng rất phổ biến. Đó là hành động thể hiện ý thức bảo vệ môi trường quá kém, thể hiện nếp sống thiếu văn hóa, văn minh. Nguyên nhân của hiện tượng này là do lối sống lạc hậu, ích kỉ, chỉ biết đến quyền lợi cá nhân. Người ta nghĩ đơn giản rằng chỉ cần nhà mình sạch là được, còn những chỗ khác thì mặc kệ. Cho nên rác rưởi, đồ phế thải, xác súc vật chết... cứ “vô tư” ném toẹt ra đường vì đã có đội vệ sinh dọn dẹp. Cách nghĩ như thế là vô cùng thiếu cận. Nhiều người nghĩ sai, làm sai sẽ dẫn đến tình trạng rác rưởi đầy đường, đầy vườn hoa, sông hồ, kênh rạch... gây mất mỹ quan thành phố và vô tình tiếp tay cho các dịch bệnh có điều kiện thuận lợi để phát triển, làm suy yếu sức khỏe của con người.



Tệ nạn thứ hai là khí thải, chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trong nội thành cũng thường xuyên gây ô nhiễm nghiêm trọng. Khói bụi, tiếng ồn, mùi hôi thối... ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe của cả cộng đồng. Tình trạng này cũng đang được cải thiện bằng cách di dời các nhà máy, xí nghiệp... ra vùng ngoại vi thành phố, xa hẳn khu vực dân cư sinh sống và xây dựng hệ thống lọc nước thải công nghiệp đúng tiêu chuẩn an toàn.

Một vấn đề nhức nhối khác là nạn "lâm tặc" phá rừng và việc đồng bào vùng cao khai hoang làm rẫy cũng góp phần không nhỏ vào việc phá rừng. Chủ trương đóng cửa rừng, giao rừng cho dân quản lí... hầu như rất ít hiệu quả. Nhiều người chỉ nhìn thấy nguồn lợi trước mắt là lâm sản khai thác được từ rừng mà không nhận thức được hậu quả lâu dài. Tàn phá rừng đồng nghĩa với tàn phá cái nôi của sự sống, tàn phá chính cuộc sống của mình. Nạn lũ lụt, núi lở, lũ quét, lũ ống hàng năm cướp đi sinh mạng của bao người. Đất đai bạc màu, xói mòn... vì không được rừng bảo vệ. Nguồn dưỡng khí từ rừng càng ngày càng ít đi, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của con người.



Khai thác rừng để phục vụ nhu cầu cuộc sống là cần thiết, nhưng muốn được hưởng lợi ích lâu dài thì chúng ta phải biết bảo vệ rừng. Bên cạnh việc chặt cây lấy gỗ, chúng ta phải biết trồng rừng. Trồng rừng để phủ xanh đất

trồng, đồi trọc; trồng rừng để tái tạo môi trường sống cho nhiều loài chim quý, thú quý; trồng rừng để tạo vành đai phòng hộ bảo vệ đất đai, mùa màng...

Bảo vệ rừng đi đôi với việc bảo vệ hệ thống sông ngòi và biển cả. Hiện tượng cổ tình biến kênh rạch, sông ngòi thành những cống lộ thiên có sẵn để chuyên chở nước thải công nghiệp cần phải chấm dứt để trả lại vẻ đẹp vốn có và sự sống cho chúng. Hiện tượng dùng chất nổ để khai thác thủy hải sản, khai thác cát sạn ở lòng sông... phải bị nghiêm cấm và trừng phạt vì đó là tội ác hủy diệt thiên nhiên.

Rừng vàng, biển bạc không phải là của kho vô tận, khai thác mãi thì cũng vơi, cũng cạn. Con người nếu không biết bảo vệ thiên nhiên thì cũng có nghĩa là không biết bảo vệ chính mình. Cho nên, việc cần làm trước mắt là chúng ta hãy tự giác và nhiệt tình tham gia phong trào làm cho thành phố hoặc địa phương nơi ta ở trở nên xanh – sạch – đẹp. Nếu ai cũng có ý thức bảo vệ môi trường sống thì tin chắc rằng ngôi nhà chung của cả nhân loại là Trái Đất sẽ ngày càng tươi đẹp.

Xin mọi người hãy cùng nhau chung tay bảo vệ môi trường! Vì bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống trong môi trường trong lành của chúng ta!

Câu 3. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...”. Bạn hãy nêu và phân tích ngắn gọn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước.

Trả lời:

Hiến pháp năm 2013 khẳng định “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...” các quy định của Hiến pháp năm 2013 về những cách thức để Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước như sau:

- Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”, đây là điểm bổ sung mới quan trọng, vì vai trò làm chủ của Nhân dân đối với

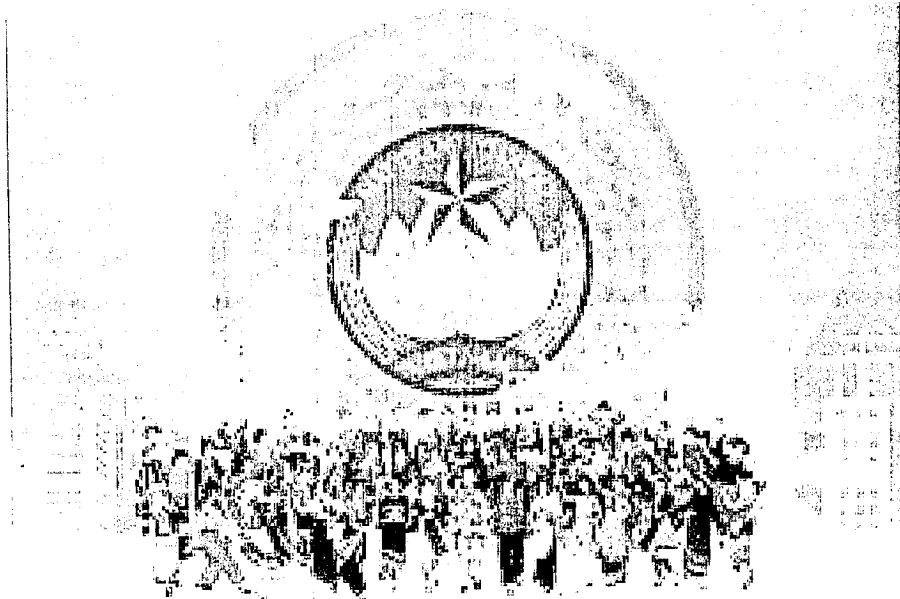
nước, Nhân dân giao phó trách nhiệm cho Đảng để lãnh đạo Nhà nước và xã hội, vì vậy, Đảng phải chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước nhân dân trong việc lãnh đạo của mình.



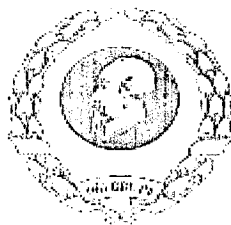
- Tại Điều 6 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước", quy định đa dạng hơn về thực hiện quyền lực của Nhân dân so với Hiến pháp năm 1992, đặc biệt thể hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp đã làm rõ hơn, sâu sắc hơn vai trò làm chủ của Nhân dân.

- Lần đầu tiên trong Hiến pháp năm 2003 ghi nhận quyền con người, quyền cơ bản của công dân tại chương II. Hiến pháp năm 2013 đã có những nhận thức mới về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Điều 14 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật". "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật, trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng".

Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước thông qua Mặt trận Tổ Quốc,
Công đoàn Việt nam, Hội Nông dân Việt nam, Đoàn Thanh Niên Cộng Sản



Hồ Chí Minh, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt
nam và các tổ chức xã hội khác

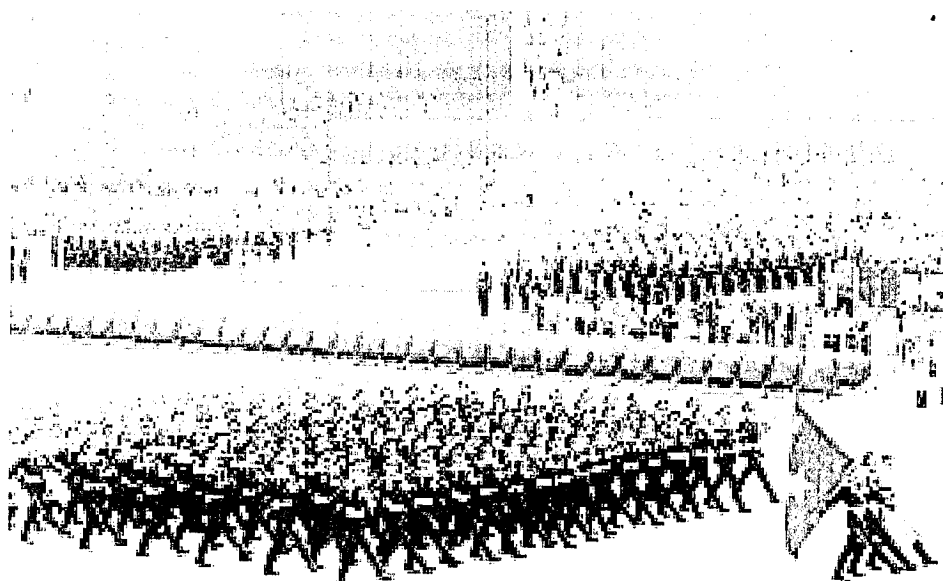


**TRỌN NGHĨA
VỚI NƯỚC NON
*
SẮT SƠN TÌNH
ĐỒNG ĐỘI**

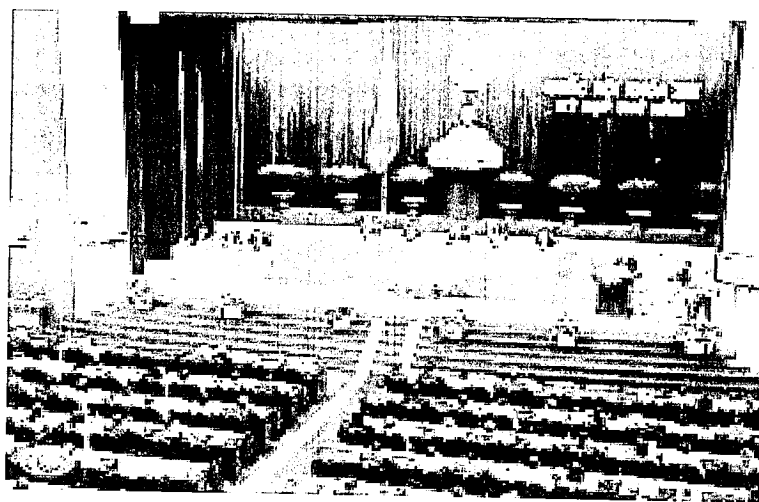
- Điều 53 Hiến pháp năm 2013 thể hiện: "Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý" đã khẳng định quyền sở hữu của Nhân dân và Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước đại diện Nhân dân để sở hữu và thống nhất quản lý, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về việc quản lý tài sản do Nhân dân ủy quyền.

- Điều 65 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Lực lượng vũ trang nhân dân tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước, có nhiệm

vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; cùng toàn dân xây dựng đất nước và thực hiện nghĩa vụ quốc tế" thể hiện trách nhiệm của lực lượng vũ trang là tuyệt đối trung thành với Nhân dân và trước hết là phải bảo vệ Nhân dân là một chủ thể làm chủ đất nước, sau đó là bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.



- Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" đã nhấn mạnh vai trò của Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, tất cả quyền lực Nhà nước đều thuộc về Nhân dân. Nhân dân ủy thác thực hiện quyền lực cao nhất cho Quốc hội để thực hiện quyền lập hiến như đề xuất sửa đổi Hiến pháp,



- Ngoài các hình thức làm chủ của Nhân dân thông qua các cơ quan đại diện nêu trên, theo Hiến pháp năm 2013 Nhân dân còn thực hiện quyền lực của mình thông qua hình thức dân chủ trực tiếp. Có thể nêu một số hình thức dân chủ trực tiếp như sau:

+ Đi bầu cử để trực tiếp lựa chọn người đại diện cho mình làm đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp;

+ Tham gia biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân;

+ Biểu tình theo quy định của pháp luật;

+ Kiến nghị, phản ánh với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của luật Tiếp công dân;

+ Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật;

Bản Hiến pháp của nước ta, sau khi đã khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đều có quy định tiếp theo là nhân dân (cử tri) bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình làm Nghị viên - đại biểu Quốc hội (ĐBQH) tham gia Nghị viện - .

Trong khoa học pháp lý, người ta gọi đây là hai hình thức nhân dân sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước của mình: dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp. Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII (tháng 6/1997) đã khẳng định: “tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước. Trước đó, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) Đảng ta đã nêu khẩu hiệu: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” và yêu cầu các cấp ủy đảng “thực hiện có nền nếp khẩu hiệu đó cũng là để khẳng định: ở nước ta quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Biểu hiện rõ nét nhất của hình thức dân chủ đại diện ở nước ta là việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội - cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Tính chất đại diện thể hiện rõ nét nhất ở sự hình thành của Quốc hội - cơ quan duy nhất ở nước ta

bao gồm những người thay mặt nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Tính chất đại diện cao của Quốc hội cần thể hiện ở chỗ, Quốc hội bao gồm những đại biểu đại diện cho khối đại đoàn kết dân tộc, khối đại đoàn kết toàn dân trong cả nước.

Quốc hội có những nhiệm vụ, quyền hạn rất lớn, rất quan trọng như quyền lập hiến, lập pháp, quyền quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, về nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về quan hệ xã hội và hoạt động của công dân.

Khi nói nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình bằng hình thức dân chủ đại diện nhất định phải bình luận đến chế định giám sát của nhân dân và việc thực hiện chế định ấy đối với việc thực hiện những quyền mà mình đã ủy thác cho cơ quan đại diện - cơ quan được ủy quyền và người đại diện - người được ủy quyền.

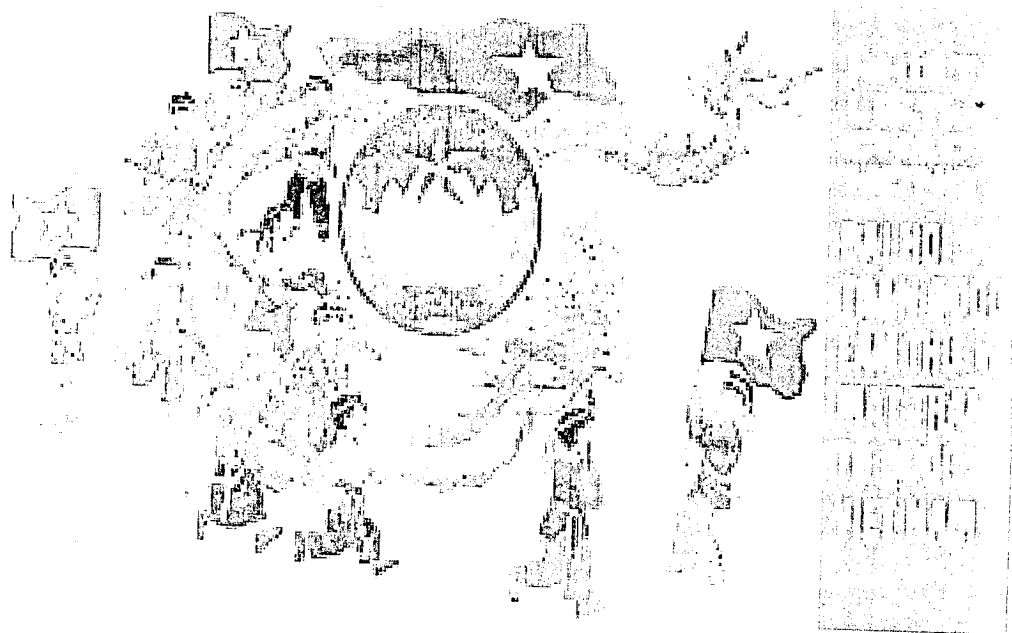


Ban Thanh tra nhân dân phường Phước Nguyên (TP. Bà Rịa) giám sát

Hình thức thứ hai để nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước của mình là hình thức dân chủ trực tiếp. Đó là việc cử tri trực tiếp biểu quyết để quyết định theo đa số một vấn đề, một chủ trương quan trọng của đất nước Hình thức dân

chủ trực tiếp và hình thức dân chủ đại diện có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Theo hình thức dân chủ đại diện thì những vấn đề, những chủ trương quan trọng của đất nước do cơ quan đại diện - mà thực chất là cơ quan nhà nước - quyết định, vì cơ quan này đã được nhân dân ủy quyền. Còn với hình thức dân chủ trực tiếp thì cử tri quyết định, nhưng không phải do cử tri trực tiếp tổ chức cuộc bỏ phiếu mà cũng phải do cơ quan nhà nước - cơ quan được nhân dân ủy quyền - tổ chức cuộc trưng cầu ý dân. Song, đặc trưng cơ bản nhất của hình thức dân chủ trực tiếp là cơ quan nhà nước chỉ có vai trò là “người thư ký”, là “trọng tài” ghi nhận, tổng hợp ý kiến của cử tri. Ý kiến của đa số cử tri tham gia bỏ phiếu trong cuộc trưng cầu ý dân có hiệu lực pháp lý cao hơn quyết định của mọi cơ quan nhà nước, kể cả của Quốc hội. Vì thế, để tổ chức cuộc trưng cầu ý dân đạt kết quả thực sự Như vậy, có thể nói rằng, còn một khoảng cách khá xa giữa việc khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với việc nhân dân trực tiếp thực hiện quyền lực đó trên thực tế. Song, khi chúng ta đã khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công rành mạch giữa các cơ quan nhà nước thực hiện ba quyền là lập pháp, hành pháp và tư pháp,

Câu 4. Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc?



Trả lời:

Khoản 2 điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định : “Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ , tất cả quyền lực Nhà Nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp Nông dân và đội ngũ trí thức” . Đây là sự đoàn kết thể hiện trong tư tưởng về chủ quyền nhân dân.



Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu ngàn đời của cha ông ta để lại; xuyên suốt trong các bản Hiến pháp nước ta qua các thời kỳ đều thể hiện tư tưởng quý báu này. Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận và phát triển tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc, xin nêu một số quy định cụ thể:

Những quy định nào của Hiến pháp năm 2013 thể hiện tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đó là:

Tại Điều 5, Hiến pháp năm 2013 ghi rõ:

1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước".

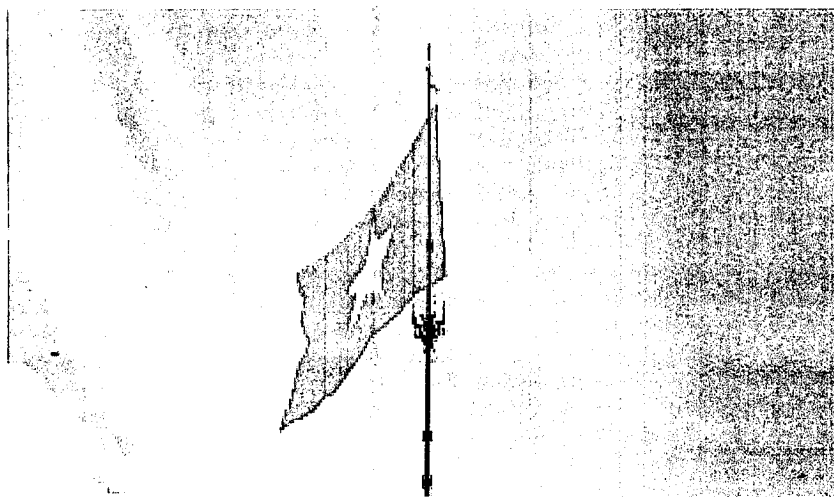
- Khoản 1 Điều 9: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".



-Tại khoản 1 điều 24 quy định: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào , các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

-Tại Điều 42, Chương II Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: "Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp"; hay Điều 61, Chương III: Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường: "Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...".

- Tại khoản 1 Điều 58: Quy định: Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.



Tại khoản 1 Điều 60: : “Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại”.

khoản 2 Điều 75 “Hội đồng dân tộc nghiên cứu và kiến nghị với Quốc hội về công tác dân tộc; thực hiện quyền giám sát việc thi hành chính sách dân tộc,

chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số”.

Điều 61, Chương III: Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường: "Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...".

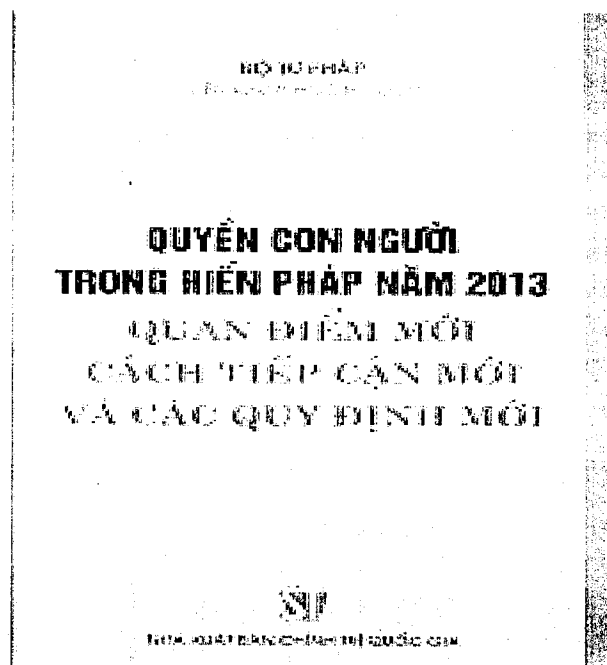
Câu 5. Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Điểm mới nào bạn tâm đắc nhất? Vì sao?

Trả lời:

-Hiến pháp năm 2013 đã dành nguyên chương II quy định về quyền con người

- Những điểm mới của Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân,

+ So với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) , Hiến pháp năm 2013 có những sửa đổi, bổ sung và phát triển quan trọng về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân sau đây:



- Về tên và vị trí của chương nói về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp: Nếu như ở Hiến pháp năm 1992 quy định tại Chương V với tên chương là "Quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân" thì Hiến pháp năm 2013 Chương này đưa lên vị trí Chương 2 (sau Chương Chế độ chính trị) và tên chương được bổ sung đầy đủ là "Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân".

- Hiến pháp 2013 khẳng định “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Điều 14). Quy định này thể hiện sự phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp.

Hiến pháp năm 2013 không còn đồng nhất quyền con người với quyền công dân như ở Điều 50 của Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) mà đã có phân biệt và sử dụng hai thuật ngữ “mọi người” và “công dân” cho việc chế định các quyền con người và quyền công dân. (So với quyền công dân thì quyền con người rộng hơn, quyền con người được quan niệm là quyền tự nhiên vốn có của con người từ lúc sinh ra tất cả mọi người đều có; còn quyền công dân, trước hết cũng là quyền con người, nhưng việc thực hiện nó gắn với quốc tịch, tức là gắn với vị trí pháp lý của công dân trong quan hệ với nhà nước)

- Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nguyên tắc hạn chế quyền phù hợp với các công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Theo đó quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Việc hạn chế quyền con người, quyền công dân không thể tùy tiện mà phải “theo quy định của luật”

- Hiến pháp năm 2013 khẳng định và làm rõ hơn các nguyên tắc về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hướng: Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân; mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác; công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã

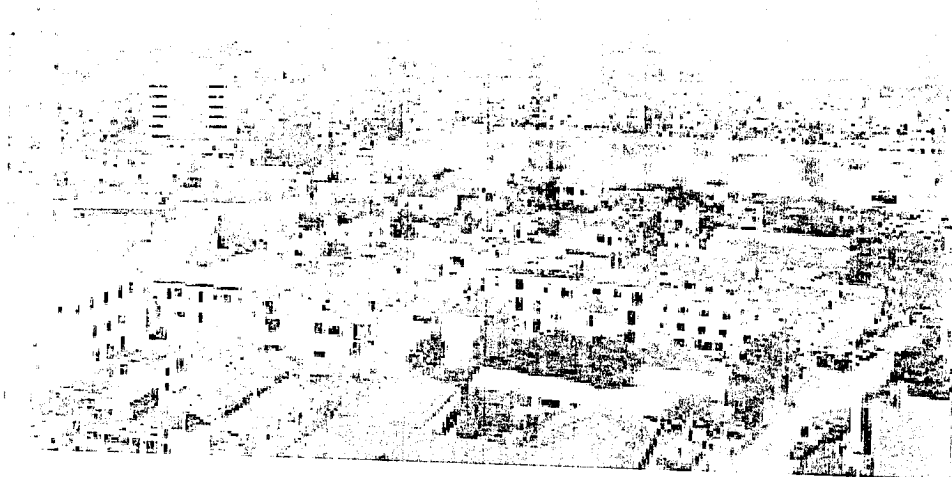
hội; việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Hiến pháp năm 2013 tiếp tục làm rõ nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa và trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người. Đồng thời, Hiến pháp sắp xếp lại các điều khoản theo các nhóm quyền để bảo đảm tính thống nhất giữa quyền con người và quyền công dân, bảo đảm tính khả thi hơn.



Nguồn: Báo Văn hóa.

- Hiến pháp năm 2013 bổ sung một số quyền mới, là thành tựu của gần 30 năm đổi mới đất nước; thể hiện rõ hơn trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân. Đó là quyền sống (Điều 19), quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác (Điều 20), quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư (Điều 21), quyền được bảo đảm an sinh xã hội (Điều 34), quyền kết hôn và ly hôn (Điều 36), quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (Điều 41), quyền xác định dân tộc (Điều 42), quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43)

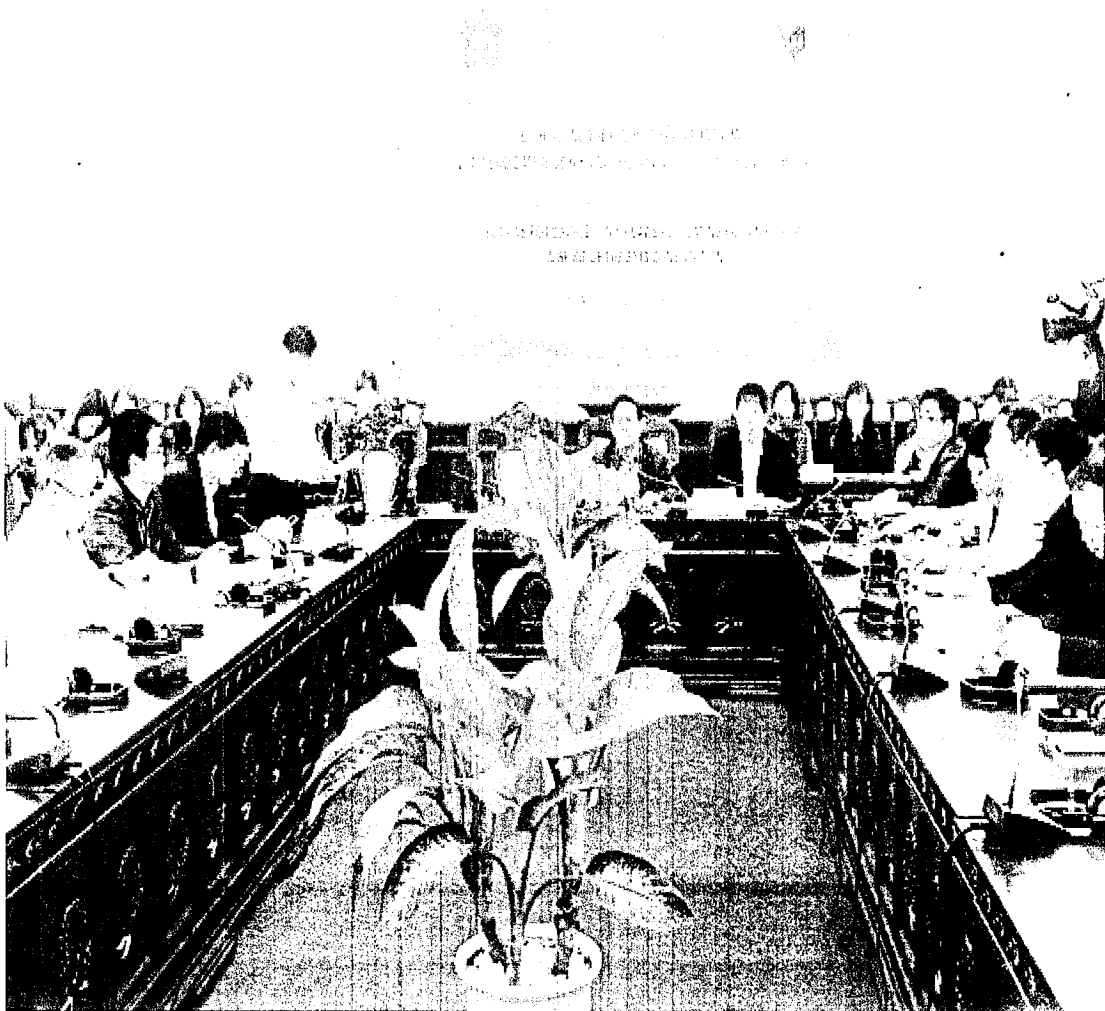


- Tiếp tục kế thừa các nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp năm 1992 như nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44), nghĩa vụ quân sự (Điều 45), nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46); riêng nghĩa vụ nộp thuế được sửa đổi về chủ thể là mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47) mà không chỉ công dân có nghĩa vụ nộp thuế như Hiến pháp năm 1992.

- Về cách thức thể hiện, Hiến pháp có sự đổi mới quan trọng theo hướng Hiến pháp ghi nhận mọi người có quyền, công dân có quyền; quyền con người là quyền tự nhiên, bất cứ ai cũng có quyền đó; quyền công dân là quyền của những người có quốc tịch Việt Nam. Để mọi người, công dân thực hiện các quyền của mình thì Hiến pháp quy định trách nhiệm của Nhà nước là phải ban

hành luật hoặc pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người và công dân thực hiện tốt các quyền của mình.

Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền con người rất cụ thể ở các điều, khoản;



Điều 14

1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Điều 16

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.
2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Điều 19

Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Khoản 3 điều 20 quy định. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

Khoản 1 điều 21 quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. -

Điều 27

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định.



Điều 33

Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Điều 34

Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội.

Điều 36

1. Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

2. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em.

Điều 37

1. Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.

2. Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

3. Người cao tuổi được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 41

Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa. -

Điều 42

Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

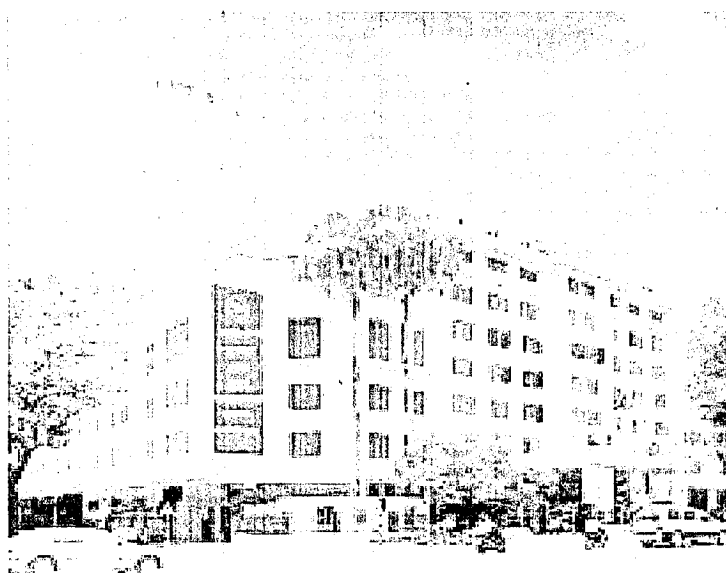
Điều 43

Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.-

Khoản 6 Điều 96 quy định : Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

Khoản 3 Điều 102 quy định Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Khoản 3 Điều 107 quy định: Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.



Điểm mới mà tôi tâm đắc nhất là; Với lý do sau:

Một trong những thay đổi lớn nhất của lần sửa đổi Hiến pháp này chính là chế định về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được đề cao, thể hiện nhận thức mới đầy đủ, sâu sắc hơn trong việc thể chế hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.



Hiến pháp năm 2013, được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28/11/2013, tại kỳ họp thứ 6, và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014. So với Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), Hiến pháp năm 2013 giảm 27 điều; trong đó chỉ giữ nguyên 07 điều⁽¹⁾, bổ sung 12 điều mới⁽²⁾ và sửa đổi 101 điều. Nếu có ai đó hỏi, trong số những điều mới lần đầu tiên được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, điều nào bạn tâm đắc nhất? Tôi nghĩ rằng câu trả lời sẽ tùy thuộc vào cách tiếp cận cũng như nhận thức riêng của mỗi người đối với từng nội dung, từng điều cụ thể của Hiến pháp. Không ai giống ai. Riêng tôi, điều tâm đắc nhất là Hiến pháp đã khẳng định nguyên tắc Nhà nước “công

nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền con người và quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”.

Trên cơ sở của các nguyên tắc căn bản này, Hiến pháp đã quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó có bổ sung thêm một số quyền mới bao gồm: Quyền sống; các quyền về văn hóa; quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; quyền của công dân không bị trục xuất, giao nộp cho nước khác... một cách chặt chẽ, chính xác, khả thi, phù hợp với các công ước quốc tế về nhân quyền mà nước ta là thành viên.

Quyền con người được khẳng định một cách mạnh mẽ



Định hướng thể chế hóa bằng pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện quyền con người trong Hiến pháp 2013, khẳng định: Điểm thay đổi lớn nhất, đồng thời cũng đáng chú ý nhất là những quy định của Hiến pháp mới về quyền con người và quyền công dân. Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam đã đưa cách tiếp cận của thế giới về nhân quyền vào Chương II: “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Việc thay đổi vị trí của Chương, từ Chương V trong Hiến pháp 1992 lên Chương II trong Hiến pháp sửa đổi 2013 và bổ sung “Quyền con người” vào tên chương, không đơn thuần chỉ là sự chuyển dịch về mặt cơ học, một sự hoán vị về bố cục, mà là một sự thay đổi về nhận thức. Hiến pháp 2013 đã không còn đồng nhất quyền con người và quyền công dân mà sử dụng khá hợp lý hai thuật ngữ này cho các quyền tự do hiến định.

Đáng chú ý, Hiến pháp đã thay đổi về cách thức hiến định về các quyền con người, từ công thức: Nhà nước “quyết định”, “trao” quyền cho người dân, sang công thức: Các quyền con người là tự nhiên, vốn có, Nhà nước phải ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm thực hiện, không phân biệt đẳng cấp, màu da, giới tính...

Hiến pháp sửa đổi đã có sự đổi mới về cách thức ghi nhận quyền con người, quyền công dân, để khắc phục cách thức quy định theo kiểu Nhà nước ban phát, Hiến pháp sửa đổi đã ghi nhận các quyền theo cách: Con người có quyền, công dân có quyền. Điều này có nghĩa là bản thân con người, công dân có các quyền này chứ không phải là sự ban phát, trao quyền của công quyền.

Nói về việc lần đầu tiên giới hạn của các quyền được quy định thành nguyên tắc trong Hiến pháp về việc hạn chế quyền con người chính là điều kiện để bảo đảm tính hiện thực của các quyền con người, quyền công dân. Nó bảo đảm sự cân bằng giữa các lợi ích trong mối quan hệ Nhà nước – Con người, Công dân, Cá nhân; bảo đảm sự minh bạch và lành mạnh của các mối quan hệ này. “Quyền con người, quyền công dân là những quyền mà con người, công dân có toàn quyền định đoạt. Chúng chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong những trường hợp đặc biệt, như quy định tại Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp sửa đổi”.

Đề cập đến một số quyền mới được bổ sung trong Hiến pháp lần này đã thể hiện được bước tiến mới trong việc mở rộng và phát triển quyền, phản ánh kết quả của quá trình đổi mới gần 30 năm qua của nước ta. Đây là những quyền mới mà các Hiến pháp trước đây không có. “Trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN thì công dân có các quyền nói trên là một tất yếu, vì thực hiện các quyền này gắn chặt với trách nhiệm của Nhà nước, đề cao trách nhiệm của Nhà nước”

Bảo đảm thực thi quyền con người trong thực tế Có thể thấy, quyền con người, quyền công dân không chỉ được quy định trong Chương II mà là nội dung xuyên suốt, nhất quán trong toàn bộ Hiến pháp năm 2013. Việc đưa các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền công dân vào nhiều chương khác của Hiến pháp nhằm tạo ra cơ chế hiến định bảo đảm, bảo vệ quyền con

người, quyền công dân, việc Hiến định việc kiểm soát quyền lực, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Khoản 3, Điều 2) chính là tạo ra cơ chế ngăn ngừa chuyên quyền, lạm quyền, lạm quyền, quan liêu, tham nhũng trong quá trình thực thi quyền lực. Quyền con người, quyền công dân chỉ được bảo đảm, bảo vệ có hiệu quả khi ngăn ngừa, kiểm soát được chuyên quyền, lạm quyền, lạm quyền, quan liêu, tham nhũng.

Tại Điều 3 trong Chương I: Chế độ chính trị, đã ghi nhận quan điểm, chính sách của Nhà nước Việt Nam là công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người. Từ đây, đặt ra nghĩa vụ của tất cả mọi chủ thể ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều phải công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người.



Các quy định tại Chương III của Hiến pháp sửa đổi về chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường có vai trò rất quan trọng đối với thực hiện quyền con người, quyền công dân. Đây chính là điều kiện để bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Cũng lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến nước ta, Hiến pháp trực tiếp quy định nhiệm vụ của Chính phủ, TAND, VKSND về bảo vệ quyền con người, quyền công dân – một nhiệm vụ hiến định. Việc quy định các quyền con người trong Hiến pháp là rất quan trọng, vì đây là cơ sở pháp lý cao nhất để mọi người và mỗi công dân được hưởng thụ và thực hiện cũng như bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng hơn là các quyền đó phải

được thực thi trong thực tế. Trong cơ chế thi hành pháp luật hiện nay, nhiều quyền hiến định trong Hiến pháp sửa đổi có thể vẫn sẽ là quyền hình thức nếu không được thể chế hóa trong các luật cụ thể.

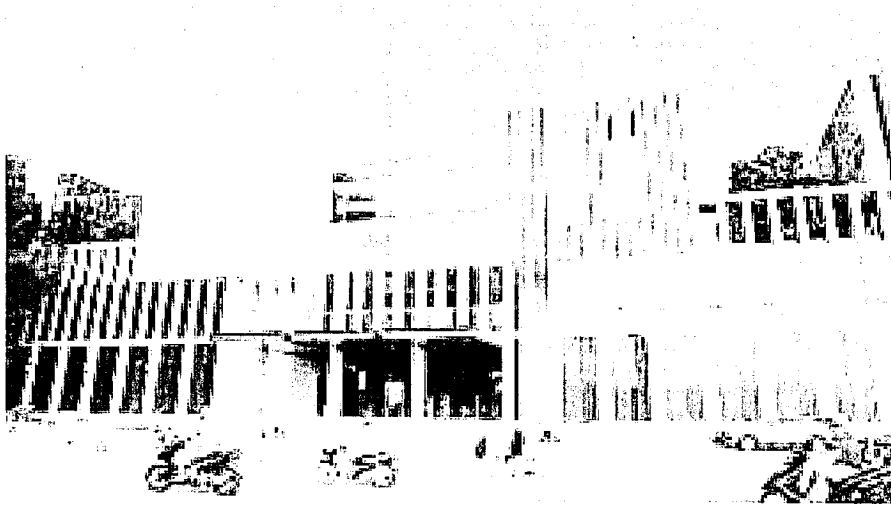
Vấn đề này đặt ra trách nhiệm đối với các cơ quan nhà nước, từ việc phổ biến, tuyên truyền các nội dung mới của Hiến pháp sửa đổi, đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy để bảo đảm thực thi, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức cần tuyên truyền; phổ biến sâu rộng các quy định của Hiến pháp sửa đổi về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng thời, rà soát các văn bản hiện hành từ góc độ phù hợp với các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để đề xuất sửa đổi, bổ sung cần thiết; sớm soạn thảo và ban hành các đạo luật về báo chí, về tiếp cận thông tin, trưng cầu ý dân... để tạo hành lang pháp lý cho con người, công dân thực hiện ngày càng tốt hơn, đầy đủ hơn các quyền của mình.

Để các tư duy mới nói trên của Hiến pháp thực sự đi vào cuộc sống: Điều trước tiên, phải tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tinh thần và nội dung mới của Hiến pháp, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, các luật về tổ tụng dân sự, hành chính và hình sự. Mặt khác, phải xây dựng các đạo luật mới về quyền con người, quyền công dân mà nước ta chưa có như: Luật Trưng cầu ý dân, Luật về hội,... “Chỉ trên cơ sở xây dựng và hoàn thiện pháp luật trên tinh thần và nội dung mới của Hiến pháp, quyền con người, quyền công dân mới có điều kiện tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm”

Câu 6. Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013. Phân tích điểm mới về mối quan hệ giữa các cơ quan đó trong thực hiện quyền lực Nhà nước?

Trả lời: Những điểm mới, quan trọng về vị trí, chức năng của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân trong Hiến pháp năm 2013

- Quốc hội (Chương V)



Trụ sở Quốc hội

Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001) quy định về Quốc hội ở Chương 6 (từ điều 83- điều 100); Hiến pháp 2013 quy định về Quốc hội ở Chương 5 (từ điều 69- điều 85).

Về cơ bản, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội trong Hiến pháp 2013 không thay đổi nhiều so với Hiến pháp 1992. Theo đó Điều 69 quy định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.”

Cụ thể hóa quy định tại Điều 69 nêu trên, Hiến pháp 2013 mở rộng hơn quyền giám sát của Quốc hội đối với Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập, vai trò quyết định của Quốc hội trong các vấn đề kinh tế, tôn giáo... được quy định rõ ràng, chặt chẽ hơn.

Có thể kể ra một số điểm mới như sau:

- Khoản 3, Điều 70 quy định Quốc hội quyết định “mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”.

- Khoản 4, Điều 70 quy định Quốc hội “quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia”, đồng thời bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc “quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ” .

- Khoản 7, Điều 70, bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Các Khoản 2, 6, 7, 9, Điều 70, bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc giám sát, quy định tổ chức và hoạt động, quyết định nhân sự đối với Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

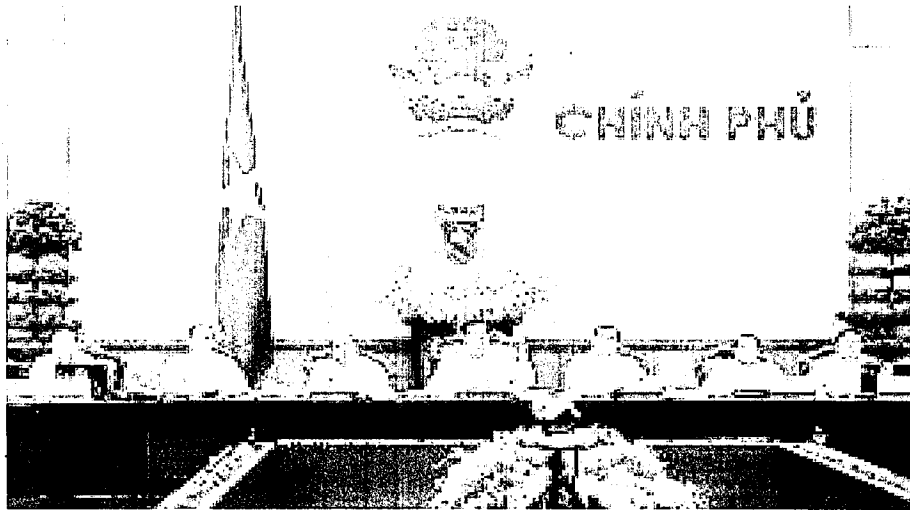
- Khoản 8, Điều 70, bổ sung quy định về việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

- Khoản 14, Điều 70, sửa đổi quy định về thẩm quyền phê chuẩn hoặc bãi bỏ điều ước quốc tế. Theo đó, Quốc hội có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của các điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và các điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

- Trong Hiến pháp năm 2013 còn quy định thẩm quyền của Quốc hội trong việc thành lập Ủy ban lâm thời để nghiên cứu, thẩm tra một dự án hoặc điều tra về một vấn đề nhất định (Điều 78). Nội dung này đã được quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Luật Tổ chức Quốc hội.

Để so sánh cụ thể hơn, ta có thể lập bảng đối chiếu các quy định về Quốc hội giữa Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013:

B. Chính phủ:



Điều 94: “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.”

Sau đây là một số điểm mới về nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ trong Hiến pháp năm 2013⁽¹⁾

Một là, Hiến pháp đã sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ theo hướng khái quát, hợp lý hơn, phù hợp với vị trí hành pháp của Chính phủ (Điều 96). Chẳng hạn như: (i) Khẳng định vai trò hoạch định chính sách của Chính phủ, Hiến pháp quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ "đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này..." (khoản 2 Điều 96); (ii) Khẳng định vai trò quản lý, điều hành vĩ mô của Chính phủ, Hiến pháp đã làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật (khoản 1); thi hành các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của nhân dân (khoản 3); bổ sung quy định trình Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính đối với đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (khoản 4); (iii) Bên cạnh quyền trình dự án luật, Hiến pháp (sửa đổi) đã bổ sung

quyền ban hành văn bản pháp luật của Chính phủ như một nhiệm vụ, quyền hạn độc lập của chức năng hành pháp tại Điều 100: "Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật"; (iv) Trong mối quan hệ với Quốc hội: Hiến pháp (sửa đổi) đã bỏ quy định về thẩm quyền của Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, tạo điều kiện cho Chính phủ và các chủ thể khác chủ động, linh hoạt trong việc đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh; phân định rõ hơn phạm vi chính sách và các vấn đề quan trọng do Quốc hội quyết định (trong một số lĩnh vực Quốc hội chỉ quyết định các chính sách cơ bản). Chính phủ có quyền ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể để quản lý, điều hành; phân định rõ và phù hợp hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc đàm phán, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế... Theo đó, Chính phủ có thẩm quyền "Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70" (khoản 7 Điều 96).

Hai là, Hiến pháp quy định rõ cơ cấu, thành phần của Chính phủ "gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ". Như vậy, Hiến pháp (sửa đổi) đã bỏ cụm từ "các thành viên khác" so với Hiến pháp năm 1992 và bổ sung quy định "cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quy định" để trên cơ sở đó sẽ quy định trong luật về cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ nhằm bảo đảm tính ổn định.

Ba là, Hiến pháp tăng cường vai trò, vị thế và trách nhiệm cá nhân của Thủ tướng Chính phủ (Điều 98). Thủ tướng Chính phủ được xác định là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.



Thủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng

Chức năng chủ yếu của Thủ tướng là lãnh đạo tập thể Chính phủ thực hiện chức năng hành pháp; điều hành hoạt động của Chính phủ. Các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Thủ tướng được tăng cường và sắp xếp lại hợp lý hơn như: Lãnh đạo công tác của Chính phủ (bổ quy định "lãnh đạo... các thành viên Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp" của Hiến pháp năm 1992); bổ sung các nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ: lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật (khoản 1); lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt của nền hành chính quốc gia (khoản 2); "Quyết định và chỉ đạo việc đàm phán, chỉ đạo việc ký, gia nhập điều ước quốc tế thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; tổ chức thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên" (khoản 5)...

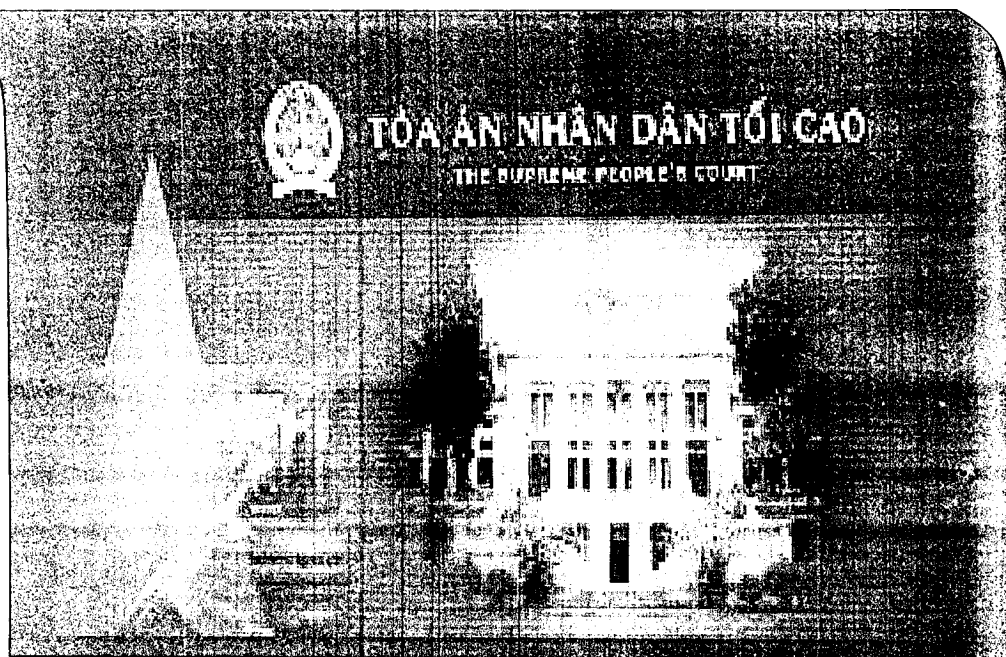
Tăng cường chế độ báo cáo của Thủ tướng trước nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (khoản 6).

Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng và bổ sung quy định Phó Thủ tướng "chịu trách nhiệm trước Thủ tướng về nhiệm vụ được phân công".

Với các sửa đổi, bổ sung này, vị thế và vai trò của Thủ tướng Chính phủ đã được nâng cao hơn. Thủ tướng Chính phủ có đủ quyền hạn để trở thành nhân tố định hướng các mục tiêu chung và thúc đẩy, định hướng xây dựng chính sách và toàn bộ hoạt động của Chính phủ và lãnh đạo hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở trong việc thực hiện các chức năng, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bốn là, Hiến pháp tăng cường vai trò, trách nhiệm cá nhân của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

Hiến pháp thể hiện rõ vị trí, nhiệm vụ của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với tư cách vừa là thành viên Chính phủ, vừa là người đứng đầu bộ máy hành chính Nhà nước trong lĩnh vực phụ trách, lãnh đạo công tác của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công (khoản 1 Điều 99). Về nhiệm vụ, quyền hạn, Hiến pháp đã bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ: "tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc" (khoản 1 Điều 99); "ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật" (Điều 100). Về chế độ chịu trách nhiệm, Hiến pháp quy định rõ ràng và cụ thể hơn: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ "chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách" (bổ sung chịu trách nhiệm cá nhân trước Chính phủ); và "cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ" (mới bổ sung). Đồng thời, Hiến pháp bổ sung chế độ báo cáo công tác của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý (khoản 2 Điều 99).



Điều 102: “1) Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. 2) Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định. 3) Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”

- Theo trên, Hiến pháp 2013 bổ sung quy định Tòa án nhân dân thực hiện quyền Tư pháp (1); sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Tòa án (2) cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp theo hướng không xác định cấp Tòa án cụ thể trong Hiến pháp mà để luật định, làm cơ sở hiến định cho việc tiếp tục đổi mới hoạt động tư pháp, phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền; bổ sung quy định nhiệm vụ tổng quát của Tòa án nhân dân là bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (3).

- Về nguyên tắc hoạt động của Tòa án nhân dân, Điều 103 Hiến pháp 2013 có bổ sung quy định đáng chú ý là “... nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”; đặc biệt “Nguyên tắc

tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” được đưa vào Hiến pháp năm 2013 có ý nghĩa rất to lớn, mang tính cách mạng trong nền tư pháp Việt Nam hiện nay.

- Hiến pháp năm 2013 không quy định về việc thành lập các tổ chức thích hợp ở cơ sở để giải quyết các tranh chấp nhỏ trong nhân dân như Điều 127 Hiến pháp năm 1992 mà theo luật định (đã có quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở).

+ Về mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân: Cần phân tích các mặt cụ thể sau đây để thấy được vai trò của mỗi cơ quan trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, đảm bảo nguyên tắc cơ bản trong Hiến pháp “quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” (khoản 3, Điều 2, Hiến pháp 2013).

+ Về mặt tổ chức

+ Phương thức hoạt động

+ Trong hoạt động thực thi quyền lập pháp, quyền giám sát; thực thi quyền hành pháp; thực thi quyền tư pháp.

+ Trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước.

Về Quốc Hội Sửa đổi, bổ sung Điều 83 của Hiến pháp 1992, khẳng định Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (Điều 69). Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (khoản 7 Điều 70) để phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình Tòa án nhân dân, làm rõ hơn vai trò của Quốc hội trong mối quan hệ với cơ quan thực hiện quyền tư pháp, đồng thời nâng cao vị thế của Thẩm phán theo tinh thần cải cách tư pháp. Bổ sung thẩm quyền của Quốc hội trong việc giám sát, quy định tổ chức và hoạt động, quyết định nhân sự đối với Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập (Điều 70). Tiếp tục quy định việc bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn (khoản 8 Điều 70).

Hiến pháp 2013 bổ sung quy định Tòa án nhân dân thực hiện quyền Tư pháp (Điều 102). Sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức Tòa án (khoản 2 Điều 102) cho phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp theo hướng không xác định cấp Tòa án cụ thể trong Hiến pháp mà để luật định, làm cơ sở hiến định cho việc tiếp tục đổi mới hoạt động tư pháp, phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền.

- Về mối quan hệ giữa Chính phủ với Quốc hội, Tòa án nhân dân:
- + Về mặt tổ chức
- + Phương thức hoạt động
- + Trong hoạt động lập pháp
- + Trong hoạt động giám sát
- + Trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước

Câu 7. Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm những cơ quan nào? Bạn hãy nêu nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân.

Trả lời:

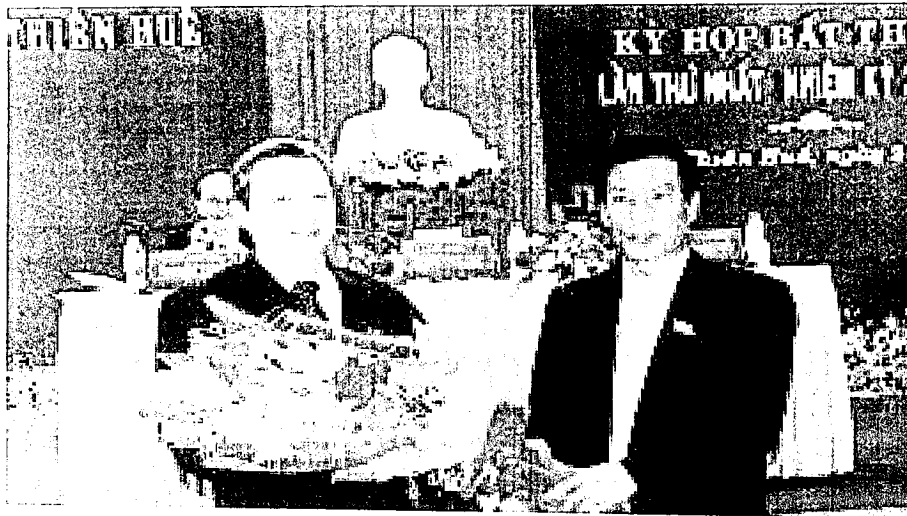
- Chính quyền địa phương là một trong những chế định mới được quy định tại Chương IX Hiến pháp năm 2013, với 7 điều (từ Điều 110 đến Điều 116) trên cơ sở kế thừa và sửa đổi, bổ sung các quy định về Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) trong Hiến pháp năm 1992.

- Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (Khoản 2 Điều 111). Như vậy, tất cả đơn vị hành chính đều có chính quyền nhưng chính quyền tại mỗi đơn vị hành chính được tổ chức không giống nhau, chỉ ở đơn vị hành chính nào có cơ cấu tổ chức gồm cả HĐND và UBND thì mới gọi là cấp chính quyền.

- Cấp chính quyền địa phương quy định trong Hiến pháp năm 2013 gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

- Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với Nhân dân:

Điều 113 quy định về HĐND :



1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

Điều 114 quy định về UBND:



1. Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

2. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao.

Câu 8. Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào về trách nhiệm của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đối với cử tri và Nhân dân?

Trả lời:

1. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội đối với cử tri và Nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định tại Điều 79 như sau:



“1. Đại biểu Quốc hội là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước. 2. Đại biểu Quốc hội phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc và báo cáo với cử tri về hoạt động của đại

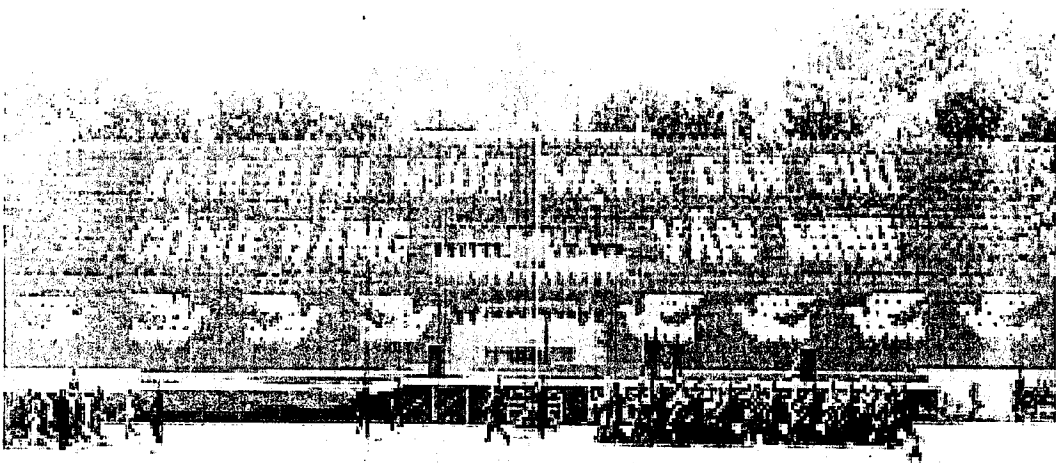
biểu và của Quốc hội; trả lời yêu cầu và kiến nghị của cử tri; theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hướng dẫn, giúp đỡ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo. 3. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật”.

-Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được Hiến pháp năm 2013 quy định tại khoản 1 Điều 115 như sau:



“Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở địa phương; phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên nhân dân tham gia quản lý nhà nước”.

Câu 9. “...Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” (trích Lời nói đầu Hiến pháp năm 2013)



Theo bạn, Nhà nước và mỗi người dân có trách nhiệm làm gì và làm như thế nào để thi hành và bảo vệ Hiến pháp?

Trả lời: Trách nhiệm của Nhà nước và Công dân:



Giúp cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân hiểu rõ nội dung, ý nghĩa, những điểm mới của Hiến pháp sửa đổi; trên cơ sở đó tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội về việc triển khai và thực thi Hiến pháp, pháp luật.



- Nâng cao ý thức tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là sự gương mẫu của đội ngũ Đảng viên, cán bộ, công chức.... Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt những quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong việc lợi dụng những vấn đề khó khăn của đất nước, những mặt còn hạn chế, tiêu cực trong xã hội để phủ nhận Hiến pháp qua đó phủ nhận đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta...

- Việc triển khai thi hành Hiến pháp yêu cầu phải đồng bộ, toàn diện, thống nhất và có hiệu quả đến tất cả đảng viên, các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, chiến sĩ lực lượng vũ trang .

Để thực thi và bảo vệ có hiệu quả Hiến pháp; Trong chúng ta phải xác định cho được rằng:

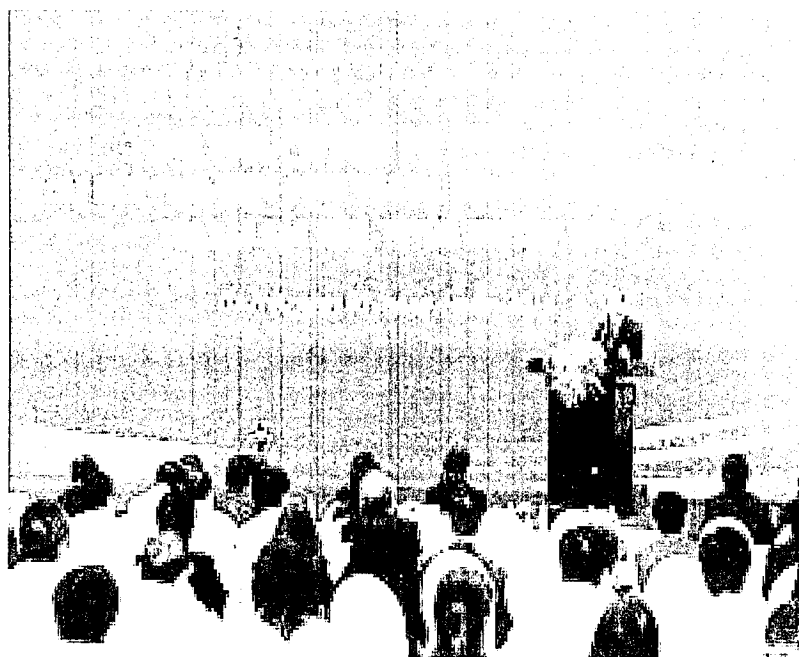
-Hiến pháp là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất, là cơ sở để xây dựng nên toàn bộ hệ thống pháp luật của quốc gia, mọi văn bản pháp luật khác phải

phù hợp với Hiến pháp, không được trái với Hiến pháp. Những văn bản không phù hợp hoặc trái với Hiến pháp đều không có giá trị về mặt pháp lý.

-Tất cả các chủ thể trong xã hội phải tôn trọng và tuân thủ Hiến pháp.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục nhận thức đúng đắn và quán triệt cho mọi người dân hiểu sâu sắc về nội dung, ý nghĩa của Hiến pháp năm 2013;

-Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28-12-2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014. Phải chú trọng cả việc tuyên truyền và triển khai thi hành Hiến pháp. Bởi vậy, cần phải có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, các cơ quan thông tin, tuyên truyền, cơ quan tư pháp và chính quyền các cấp.



Việc tuyên truyền Hiến pháp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2014. Mục đích là giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ mục đích, ý nghĩa và kết quả của việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992, những điểm mới của Hiến pháp đã sửa đổi; tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội về việc triển khai và thực thi Hiến pháp, pháp luật. Muốn vậy, việc tuyên truyền các nội dung của Hiến pháp cần được tiến hành thường xuyên, liên tục, đồng thời cùng với quá trình thể chế hóa các vấn đề cơ bản của Hiến pháp thành các luật và những văn bản dưới luật.

Nội hàm của khái niệm “bảo vệ hiến pháp” ở đây chỉ bao hàm những hoạt động do những chủ thể mà hiến pháp đã quy định thẩm quyền (hiến pháp xác định nhiệm vụ và quyền hạn nhất định liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm sự tôn trọng, giữ gìn hiến pháp, chống lại và triệt tiêu hành vi vi hiến) tiến hành. Bởi lẽ, hiến pháp là văn bản chính trị - pháp lý do nhân dân thiết lập, thể hiện chủ quyền và ý chí của nhân dân; do đó, việc nhân dân giao cho ai chịu trách nhiệm bảo vệ hiến pháp cũng phải được thể hiện trong hiến pháp. Chính nhân dân xác định nhiệm vụ và quyền hạn của chủ thể tiến hành hoạt động bảo vệ hiến pháp bằng các quy định của hiến pháp. Cách hiểu này sẽ loại trừ những chủ thể trong xã hội có tham gia thực hiện các hoạt động nhằm bảo vệ hiến pháp nhưng sự tham gia đó không xuất phát từ thẩm quyền hiến định mà chỉ là thẩm quyền mang tính phái sinh từ hiến pháp và được quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật khác.

-Theo nghĩa rộng, cơ chế bảo vệ hiến pháp là toàn bộ những yếu tố, phương tiện, phương cách và biện pháp nhằm bảo đảm cho hiến pháp được tôn trọng, chống lại mọi sự vi phạm Hiến pháp có thể xảy ra.

-Với nghĩa hẹp, cơ chế bảo vệ hiến pháp là một thiết chế được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc và quy định của pháp luật, để thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm cho hiến pháp được tôn trọng, chống lại mọi sự vi phạm có thể xảy ra³.



ĐẠI BIỂU CỦA KHU VỰC, THỊ TRẤN ĐÓNG BÀN ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, KHU VỰC ĐÓNG BÀN ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Chúng tôi cho rằng, cơ chế bảo vệ hiến pháp là một tổng thể các yếu tố có quan hệ mật thiết, tương tác lẫn nhau, hình thành một hệ thống và phương thức vận hành của hệ thống đó để tiến hành hoạt động bảo vệ hiến pháp, nhằm bảo đảm sự tôn trọng, giữ gìn hiến pháp, ngăn ngừa và chống lại mọi hành vi vi phạm hiến pháp.

- Cơ chế bảo vệ hiến pháp bao gồm các yếu tố: thể chế, thiết chế và phương thức vận hành của cơ chế bảo vệ hiến pháp.

- Thể chế bảo vệ hiến pháp: thể chế bảo vệ hiến pháp là các nguyên tắc, quy phạm được sắp xếp một cách logic, hợp thành một hệ thống thống nhất, định hướng và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động bảo vệ hiến pháp.

- Thiết chế bảo vệ hiến pháp: thiết chế bảo vệ hiến pháp được hiểu là các cơ quan nhà nước, cá nhân được hiến pháp quy định nhiệm vụ và quyền hạn tiến hành các hoạt động bảo vệ hiến pháp. Việc tổ chức các thiết chế bảo vệ hiến pháp phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử, đặc điểm chế độ chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội và truyền thống pháp lý của mỗi nước. Thiết chế bảo vệ hiến pháp là yếu tố trung tâm, là phần “động cơ” của toàn bộ cơ chế. “Động cơ” đó bao gồm những bộ phận nào, quyền năng, sức mạnh hay “công năng” của mỗi bộ phận ra sao sẽ giữ vai trò quyết định hiệu quả của hoạt động bảo vệ hiến pháp.

Phương thức vận hành của cơ chế bảo vệ hiến pháp: để thiết chế bảo vệ hiến pháp hoạt động và thể chế bảo vệ hiến pháp được thực thi, phải có phương thức vận hành. Phương thức vận hành cơ chế bảo vệ hiến pháp tồn tại song song với thiết chế và thể chế bảo vệ hiến pháp. Trong cơ chế bảo vệ hiến pháp, thể chế và thiết chế là những yếu tố thuộc diện cấu trúc, còn nguyên tắc và phương thức hoạt động thể hiện mối quan hệ và quy trình vận hành. Như vậy, phương thức vận hành là phương pháp, hình thức, biện pháp thực hiện hoạt động bảo vệ hiến pháp của thiết chế được giao thẩm quyền bảo vệ hiến pháp.

Mối quan hệ giữa các yếu tố của cơ chế bảo vệ hiến pháp: thể chế bảo vệ hiến pháp là yếu tố thiết lập nên toàn bộ cơ chế bảo vệ hiến pháp, nó có ý nghĩa như là việc “khai sinh” và “đặt tên” cho cơ chế, xác định mục đích, nhiệm vụ

của cơ chế bảo vệ hiến pháp, trao thẩm quyền cho thiết chế bảo vệ hiến pháp. Thiết chế bảo vệ hiến pháp là “cỗ máy” hiện hữu của cơ chế. Thiết chế - với ý nghĩa là một yếu tố của cơ chế bảo vệ hiến pháp tồn tại trong thực tế được cấu trúc bởi các bộ phận của nó. Khi xem xét thiết chế bảo vệ hiến pháp, người ta xem thiết chế bảo vệ hiến pháp thuộc thể loại nào, bao gồm các bộ phận gì; tính chất của từng bộ phận; vị trí, chức năng của từng bộ phận có bảo đảm thực hiện được các thẩm quyền mà thể chế trao cho thiết chế bảo vệ hiến pháp hay không. Như vậy, thể chế bảo vệ hiến pháp quyết định “hình hài”, “cấu trúc”, “quy mô” của thiết chế bảo vệ hiến pháp. Ngược lại, việc các bộ phận của thiết chế bảo vệ hiến pháp hoạt động trong thực tế ra sao sẽ thể hiện tính đúng đắn, sự phù hợp, tính khả thi của thể chế bảo vệ hiến pháp (nói cách khác là thể hiện hiệu lực của các nguyên tắc và quy phạm về bảo vệ hiến pháp). Nguyên tắc và phương thức vận hành của cơ chế bảo vệ hiến pháp là yếu tố quan trọng, không thể thiếu của cơ chế bảo vệ hiến pháp. Việc các chủ thể thực hiện các nguyên tắc, phương pháp, hình thức theo những thủ tục, quy trình trong cơ chế bảo vệ hiến pháp giúp cho “cỗ máy” thiết chế bảo vệ hiến pháp chuyển từ trạng thái “tĩnh” sang trạng thái “động”. Chính thiết chế bảo vệ hiến pháp là chủ thể vận hành, thực hiện các nguyên tắc, phương thức bảo vệ hiến pháp trên cơ sở pháp lý là thể chế bảo vệ hiến pháp. Bằng các phương pháp, hình thức, quy trình, thủ tục mà các thiết chế tiến hành các hoạt động bảo vệ hiến pháp, nguyên tắc và phương thức vận hành tạo nên “trạng thái hoạt động” của cơ chế bảo vệ hiến pháp. Nếu cơ sở pháp lý cho hoạt động của thiết chế bảo vệ hiến pháp cụ thể, rõ ràng, khoa học, đồng bộ và khả thi, cấu trúc của thiết chế bảo vệ hiến pháp phù hợp, các bộ phận cấu thành của nó có đủ năng lực, các nguyên tắc, hình thức, phương pháp, thủ tục hợp lý, công khai, rõ ràng, minh bạch thì sẽ bảo đảm tính liên thông, kịp thời và hiệu quả của toàn bộ cơ chế bảo vệ hiến pháp. Tóm lại, cơ chế bảo vệ hiến pháp hoạt động dựa trên sự tương tác giữa các yếu tố của cơ chế, sự ảnh hưởng và quy định lẫn nhau giữa các yếu tố của cơ chế bảo vệ hiến pháp. Thiếu bất cứ yếu tố nào thì cơ chế bảo vệ hiến pháp cũng không thể hoạt động được. Bất cứ khiếm khuyết nào của mỗi yếu tố hay sự không phù hợp, không tương thích

giữa các yếu tố cấu thành cơ chế bảo vệ hiến pháp đều ảnh hưởng đến mức độ hiệu quả và chất lượng của mục tiêu bảo vệ hiến pháp.

Hiến pháp là văn bản chính trị - pháp lý của mỗi quốc gia, chứa đựng những giá trị xã hội cao quý nhất của quốc gia; do đó, thể chế bảo vệ Hiến pháp cũng mang tính xã hội, chính trị và pháp lý.

Tính xã hội của thể chế bảo vệ hiến pháp thể hiện trước hết ở những nội dung liên quan đến việc bảo đảm những giá trị nhân đạo, công bằng, bình đẳng, bác ái, truyền thống, bản sắc dân tộc... của quốc gia. Xét đến cùng, đây là những tinh hoa mà cộng đồng quốc gia đó hướng tới và giữ gìn. Điều này cũng được thể hiện ở ngay tại những điều khoản đầu tiên. Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Tính chính trị của thể chế bảo vệ hiến pháp thể hiện ở những nội dung liên quan đến việc xây dựng và duy trì “kiến trúc” của hệ thống chính trị của quốc gia. Nghiên cứu và phân tích thể chế bảo vệ hiến pháp người ta sẽ thấy được cấu trúc, các bộ phận, vị trí, vai trò của các bộ phận và mối quan hệ giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị. Hơn nữa, người ta còn thấy được mục tiêu chính trị tổng thể của toàn thể hệ thống chính trị quốc gia. Lời nói đầu của Hiến pháp đã khẳng định: “Hiến pháp này quy định chế độ chính trị,... nguyên tắc tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước, thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý”.

Tính pháp lý - tính chất nổi bật nhất của thể chế bảo vệ hiến pháp thể hiện ở những nội dung liên quan đến khuôn mẫu xử sự, hành vi, quy trình vận hành của cơ chế bảo vệ hiến pháp. Nếu như những nội dung thể hiện tính xã hội và tính chính trị có vẻ trừu tượng thì những nội dung thể hiện tính pháp lý cụ thể và rõ ràng hơn. Thông qua tính chất này, người ta thấy được quốc gia theo dòng pháp luật chính thống nào, từ đó xác định được cơ chế bảo vệ hiến pháp của quốc gia thuộc mô hình nào; vận dụng, tiếp thu và bổ sung thêm những đặc điểm nào của các mô hình khác.

Liên hệ bản thân trong việc bảo vệ và thực thi Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam năm 2013:

Là một người cán bộ hưu trí trách nhiệm của tôi phải nghiêm túc thực hiện và bảo vệ Hiến pháp; Đồng thời là Tổ trưởng Tổ dân phố với trách nhiệm của mình tôi phải thường xuyên tuyên truyền, giải thích và phổ biến những quy định trong Hiến pháp năm 2013 để nhân dân trong Tổ dân phố thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, cương quyết không để những kẻ lợi dụng dân chủ để tuyên truyền xuyên tạc những điều trong quy định trong Hiến pháp xảy ra trong địa bàn Tổ dân phố, tích cực vận động bà con nhân dân trong Tổ dân phố “ Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật ”...



Trịnh Tôn

Cán bộ Hưu trí, Tổ trưởng TDP 1
Phường Tứ Hạ, Hương Trà, Thừa Thiên-Huế